

LỜI MỞ ĐẦU

Trong tình hình kinh tế hiện nay, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã và đang trên đà phát triển. Nước ta đã từng bước hòa nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Nói đến kinh tế là nói đến cả một quá trình phấn đấu, là sự tiềm tàng, tích lũy lâu dài mới có được. Do vậy, vốn và tiền tệ đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế đất nước, thiếu nó nền kinh tế đất nước cũng như các doanh nghiệp, công ty khó tồn tại và phát triển. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tại các công ty thương mại luôn có các nghiệp vụ thu, chi xen kẽ nhau, các khoản thu, chi này chủ yếu là để phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được diễn ra liên tục. Từ đó dòng lưu chuyển tiền tệ diễn ra không ngừng, trong quá trình đó có những thời điểm lượng tiền thu lớn hơn lượng tiền chi và cũng có những thời điểm ngược lại. Và hơn bao giờ hết, công ty cũng luôn phải dự trữ một lượng vốn nhất định để đáp ứng nhu kịp thời các khoản chi cần thiết. Đối với mỗi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vốn là vấn đề hết sức cần thiết và cấp bách. Nói chung, kể cả sản xuất và phi sản xuất, vốn bằng tiền là tài sản là tiền đề cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vậy các doanh nghiệp, công ty đã sử dụng nó như thế nào? Quản lý ra sao để đem lại lợi nhuận cao nhất? Chính vì nhận thức được tầm quan trọng của đồng vốn trong hoạt động kinh doanh nên em đã chọn đề tài “hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền” tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng.

Bài khóa luận của em gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về vốn bằng tiền và công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong quá trình tìm hiểu về đề tài tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng, em đã có những cố gắng để tìm hiểu chuyên đề của mình nhưng do thời gian tìm hiểu và điều kiện còn hạn chế mặt khác kinh nghiệm thực tiễn còn chưa có nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót. Mong thầy cô và các bạn có những đóng góp để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn Th.s Trần Thị Thanh thảo và các anh chị ở phòng kế toán công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng đã giúp đỡ và hướng dẫn em hoàn thành khoá luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 22 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Vũ Thị Khánh Chi

CHƯƠNG I :

LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÔNG TÁC VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền:

1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền

a, Khái niệm vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền của các đơn vị là một bộ phận tài sản lưu động làm chức năng ngang giá chung trong mối quan hệ mua bán trao đổi được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ. Vốn bằng tiền là loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

b, Phân loại vốn bằng tiền:

➤ Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành

-Tiền Việt Nam: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

-Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt nam như các đồng: Đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), phrăng Pháp (FFr), yên Nhật (JPY), đô la Hồng Kông (HKD), mác Đức (DM) .

-Vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

➤ Theo địa điểm bảo quản, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm :

-Tiền mặt tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

-Tiền gửi ngân hàng : Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

-Tiền đang chuyển: Là tiền trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là loại vốn có tính lưu động nhanh do đó trong điều kiện hiện nay của doanh nghiệp càng phải có kế hoạch hóa cao việc thu chi tiền mặt. Việc thanh toán qua ngân hàng không những đáp ứng nhu cầu kinh doanh mà còn tiết kiệm được thời gian.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại.

1.1.3. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

a, Vai trò của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

Vốn bằng tiền có một vai trò rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền được sử dụng trong việc mua sắm hàng hóa hoặc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp. Thiếu vốn là một trong những khó khăn, trở ngại đến sự phát triển của doanh nghiệp.

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vì vậy việc quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kế toán cung cấp các thông tin tài chính giúp cho giám đốc và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh để phát huy và mặt yếu để đề ra những biện pháp khắc phục.

b, Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

Bên cạnh những vai trò nêu trên kế toán vốn bằng tiền có những nhiệm vụ sau:

-Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền đầy đủ, kịp thời. Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép > Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ sách kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác nhận và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.
- Tiền mặt ngoại tệ được hạch toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên tài khoản 007 “Nguyên tệ các loại” (đây là loại tài khoản ngoài bảng)
- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản để hạch toán tiền mặt tại quỹ là TK 111 - Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- Tài khoản 1113 - Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim loại quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

1.2.1.3. Kết cấu tài khoản tiền mặt

➤ Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

➤ Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

➤ Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý còn tồn

1.2.1.4. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt

- Phiếu chi
- Phiếu thu
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên lai thu tiền
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.5. Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền mặt

- Sổ nhật ký chung
- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
- Sổ cái TK111
- Các sổ sách có liên quan đến kế toán tiền mặt

1.2.1.6. Kế toán chi tiết tiền mặt

a, Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam

- Tài khoản sử dụng : TK 1111 - Tiền Việt Nam
- Chứng từ để hạch toán kế toán tiền mặt là tiền Việt Nam là phiếu thu, phiếu chi. Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 1111 còn có các chứng từ gốc khác có liên quan kèm vào phiếu chi, phiếu thu như giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn bán hàng,

biên lai thu tiền, các hợp đồng... Chúng từ sau khi đã kiểm tra tính hợp lệ được kế toán phản ánh và ghi chép vào các sổ sách có liên quan.

Khi phát sinh nghiệp vụ thu, chi tiền mặt kế toán sẽ lập phiếu thu (phiếu chi) trình giám đốc, kế toán trưởng duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ thu tiền, sau đó kế toán phân hành sẽ tiến hành định khoản và cập nhật số liệu vào sổ quỹ tiền mặt, sổ cái và các sổ liên quan. Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu để lên bảng cân đối và báo cáo kế toán khác.

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi: Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu, phiếu chi.

- Thủ tục thu:

+ Phiếu thu được đóng thành quyển và được đánh số theo thứ tự từ 1 đến n trang trong một năm.

+ Số phiếu thu cũng được đánh thứ tự từ 1 đến n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác.

+ Mỗi lần lập phiếu thu, kế toán dùng giấy than viết 3 liên (đặt giấy than lên viết 1 lần) và phải ghi tương đối đầy đủ các yếu tố trong phiếu thu. Phiếu thu lập xong phải lưu lại cuống 1 liên, 1 liên giao cho người nộp, 1 liên giao cho thủ quỹ giữ lại để làm thủ tục nhập quỹ, ghi sổ quỹ sau đó định kỳ chuyển cho kế toán có liên quan.

- Thủ tục chi:

+ Phiếu chi được lập thành quyển và được đánh số thứ tự từ 1 đến n trong cả năm

+ Số của phiếu chi cũng được đánh liên tục từ 1 đến n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác .

+ Khi lập phiếu chi chỉ cần lập 2 liên. Liên 1 lưu lại nơi lập phiếu, liên 2 đưa thủ quỹ để chi tiền và không giao cho người nhận 1 liên phiếu chi nào hết. Thủ quỹ sẽ căn cứ vào phiếu chi để chi tiền sau khi đã có đầy đủ chữ ký của kế toán trưởng và giám đốc công ty. Người nhận tiền sau khi đã nhận đủ số tiền phải ký và ghi rõ họ tên vào phiếu chi. Căn cứ vào số tiền thực chi thủ quỹ ghi vào sổ quỹ cuối ngày chuyển cho kế toán tiền mặt để ghi sổ. Thủ quỹ không được nhờ người khác

làm thay, trong trường hợp cần thiết phải làm thủ tục ủy quyền cho người khác làm thay và được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty.

Những trường hợp phải chi các khoản không có hóa đơn tài chính như chi hoa hồng, thuê cá nhân ... thì người được giao nhiệm vụ chi tiêu phải lập báo cáo về số tiền chi có xác nhận của trưởng đơn vị trực tiếp quản lý và được giám đốc duyệt chi.

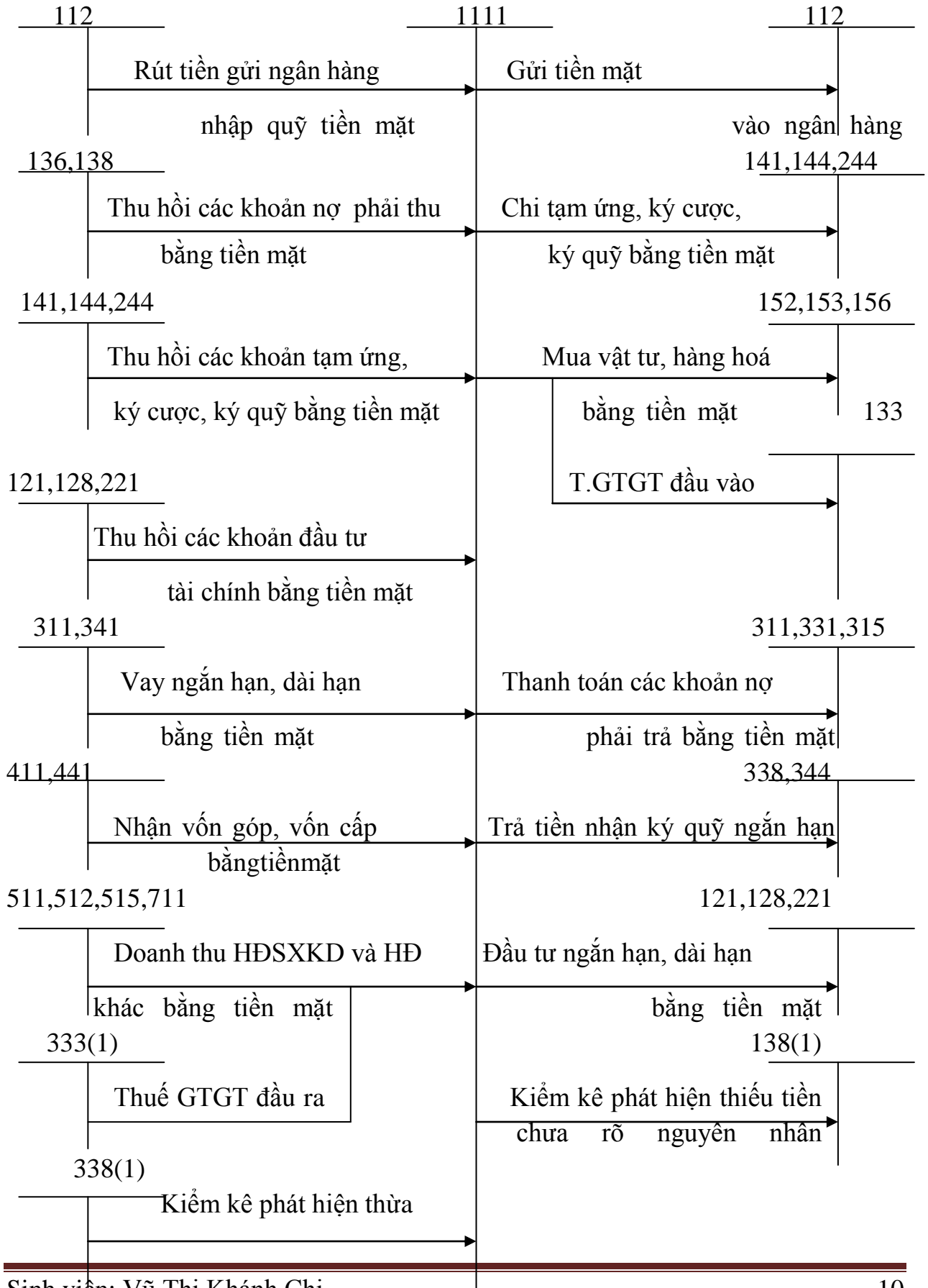
Với những nghiệp vụ chi tiền tạm ứng thì các cá nhân có nhu cầu tạm ứng phải viết giấy đề nghị tạm ứng rồi gửi lên phòng kế toán - tài chính của công ty. Sau khi được sự đồng ý tạm ứng của giám đốc và kế toán trưởng thì kế toán tiến hành lập phiếu chi và thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi đó chi tiền cho người đề nghị tạm ứng.

Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng quyển và phải ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Trong mỗi phiếu thu, phiếu chi, số của từng phiếu thu, phiếu chi phải đánh liên tục trong một kỳ kế toán.

Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyên đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi (nhập, xuất) tiền mặt tính ra số tiền quỹ vào cuối ngày.

➤ Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.1):

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



chưa rõ nguyên nhân

Sơ đồ 1.1 Kế toán tiền mặt (VNĐ)

b, Đối với tiền mặt là ngoại tệ

Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413 - Chênh lệch tỷ giá.

Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413.

Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền. Nhập trước xuất trước, Nhập sau xuất trước, Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ TK 007 “ngoại tệ các loại” (TK ngoài bảng cân đối kế toán).

➤ Kết cấu tài khoản 007- Ngoại tệ các loại

Bên Nợ : Số ngoại tệ thu vào (Nguyên tệ)

Bên Có : Số ngoại tệ xuất ra (Nguyên tệ).

Số dư bên nợ : Số ngoại tệ còn lại tại doanh nghiệp (Nguyên tệ).

➤ Kết cấu tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá.

Bên Nợ:

+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Bên Có:

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư có hoặc dư nợ.

Dư Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý

Dư Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

➤ Hạch toán thu đối với ngoại tệ:

Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang Đồng Việt Nam.

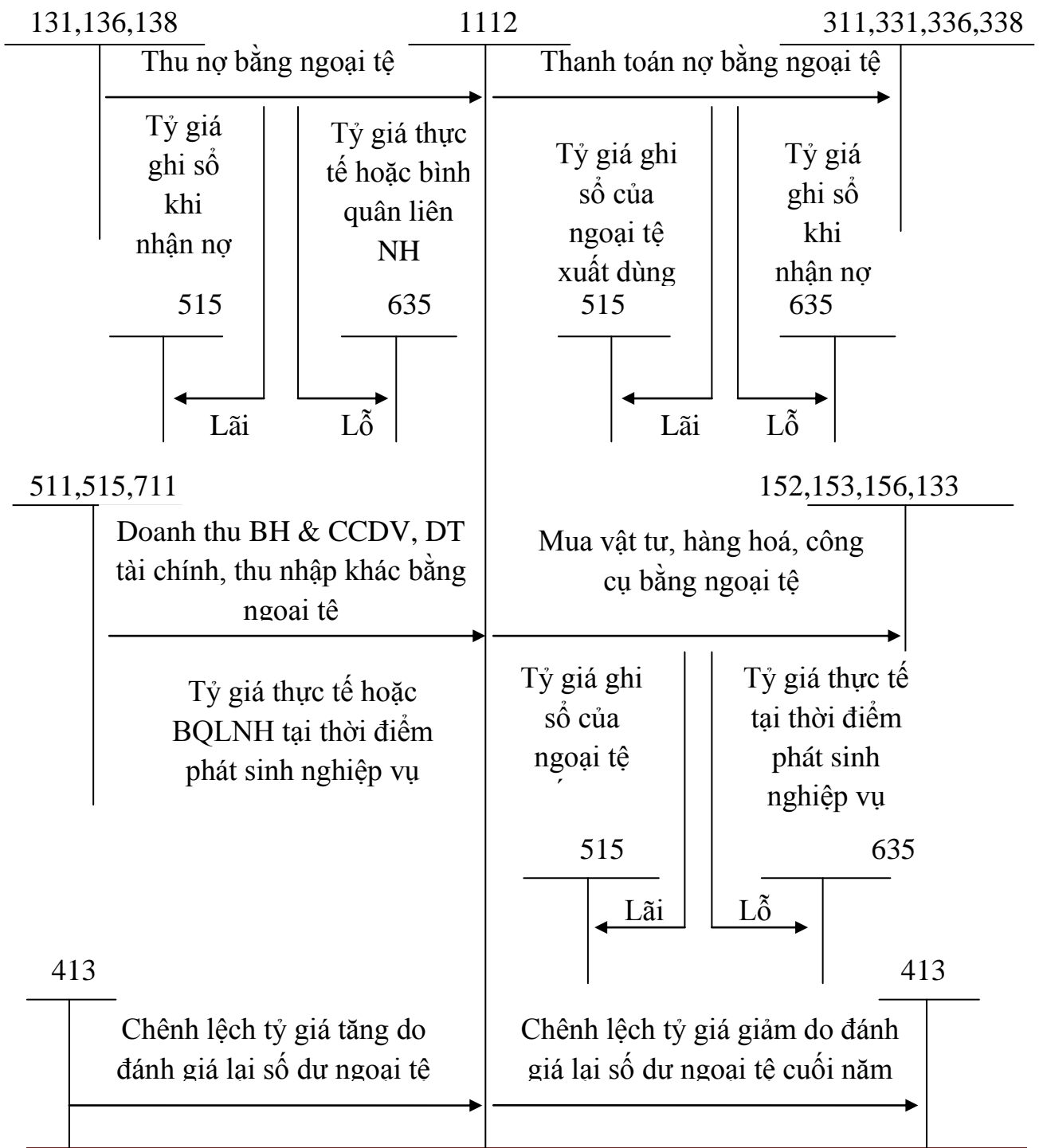
➤ Hạch toán chi đối với ngoại tệ:

Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế thu ngoại tệ trong kỳ và tỷ giá ngày phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên tài khoản 515 - Doanh thu tài chính (nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc tài khoản 635 -Chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái).

Thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động (TK 4132) và của hoạt động sản xuất kinh doanh (TK 4131). Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.2)



Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt(ngoại tệ)

Các nghiệp vụ đều phải đồng thời ghi đơn TK007- ngoại tệ các loại

007

Thu nợ bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
-Doanh thu, TN tài chính	-Mua vật tư, hàng hóa, công cụ
TN khác bằng ngoại tệ	TSCĐ... bằng ngoại tệ

c, Đối với tiền mặt là vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

Ở những doanh nghiệp có vàng, bạc, kim loại quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ. Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: Phương pháp giá đơn vị bình quân, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, tính giá đích danh.

Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim loại quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim loại quý, đá quý giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: Ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán...

1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng:

Tiền gửi ngân hàng là một bộ phận của vốn bằng tiền mà công ty ký gửi tại ngân hàng. Công ty phải gửi tất cả vốn bằng tiền vào ngân hàng ngoài số tiền để lại công ty việc rút gửi hoặc trích để chi trả bằng tiền gửi ngân hàng thì phải có chứng từ nộp lĩnh hoặc có chứng từ thanh toán thích hợp. Với các thể thức thanh toán và phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được phản ánh vào TK 112.

Đối với những công ty có những tổ chức, bộ phận trực thuộc có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận lợi cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải tổ chức kế toán chi tiết theo từng loại tiền gửi, từng ngân hàng kho bạc, công ty tài chính để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Trong quá trình kinh doanh công ty gửi tiền vào ngân hàng để thực hiện các nghiệp vụ thanh toán. Khi cần chi tiêu công ty phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán TGNH được công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi.

Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim loại quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Việc thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa thuận tiện, nhanh chóng vừa lại đảm bảo an toàn. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản để hạch toán tiền gửi Ngân hàng là TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam

- Tài khoản 1123 - Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim loại quý, đá quý, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

1.2.2.3. Kết cấu tài khoản tiền gửi Ngân hàng

➤ Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim loại quý, đá quý gửi vào Ngân hàng.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

➤ Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim loại quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

➤ Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng.

1.2.2.4. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của Ngân hàng.

- Các chứng từ khác : Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của Ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán tiền gửi Ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

1.2.2.5. Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng

- Nhật ký chung

- Sổ tiền gửi Ngân hàng

- Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân hàng

- Sổ cái TK 112

- Các sổ sách có liên quan đến tiền gửi

1.2.2.6. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng

a, Đối với tiền gửi Ngân hàng là tiền Việt Nam

➤ Tài khoản sử dụng : TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam

➤ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có

- Giấy báo nợ

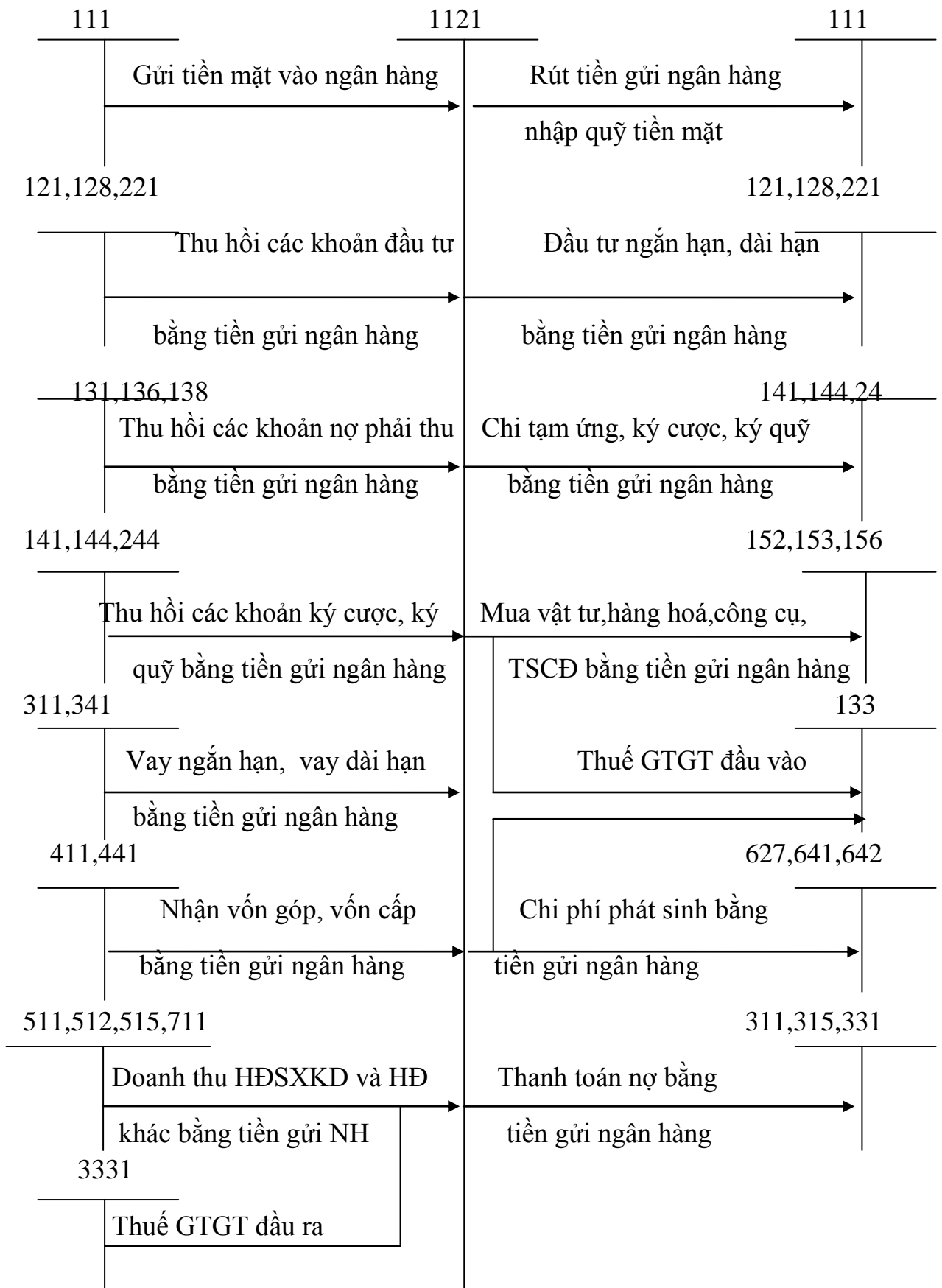
- Bản sao kê của Ngân hàng

- Các chứng từ khác như séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

Căn cứ để hạch toán tiền gửi ngân hàng là giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, chi) Khi nhận các chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với

chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời nếu cuối tháng vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân của chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu trong giấy báo hay bảng sao kê của ngân hàng. Sang tháng sau phải tiếp tục kiểm tra, đối chiếu và tìm ra nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh số liệu ghi sổ. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.3).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

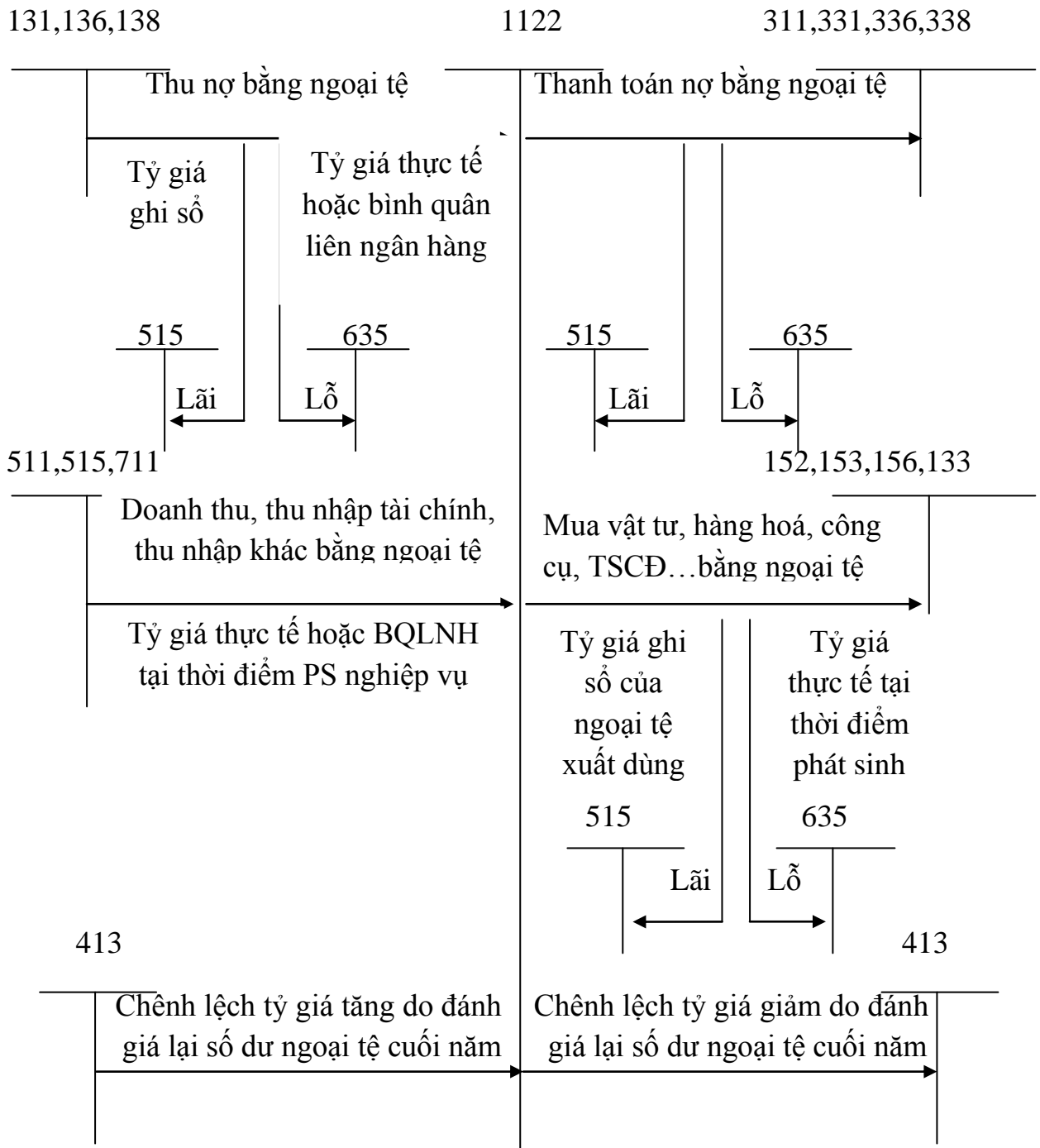


Sơ đồ 1.3 Kế toán tiền gửi Ngân Hàng(VNĐ)

b, Đối với tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ

- Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB giai đoạn trước hoạt động vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất, kinh doanh vào TK 4131.
- Kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Tất cả các nghiệp vụ đều phải ghi đơn TK 007- ngoại tệ các loại

007

Thu nợ bằng ngoại tệ
-doanh thu, TN tài chính
TN khác bằng ngoại tệ

Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
-Mua vật tư hàng hóa, công cụ
TSCĐ.. bằng ngoại tệ

Sơ đồ 1.4 Kế toán tiền gửi Ngân Hàng(Ngoại tệ)

1.2.3. Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có hay bản sao kê của Ngân hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua Ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với Ngân hàng.

Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển , có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- Tài khoản 1132 - Ngoại tệ: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như : séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

➤ **Bên Nợ:**

- Các tài khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ đang chuyển cuối kỳ.

➤ **Bên Có:**

- Số kết chuyển vào Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan.

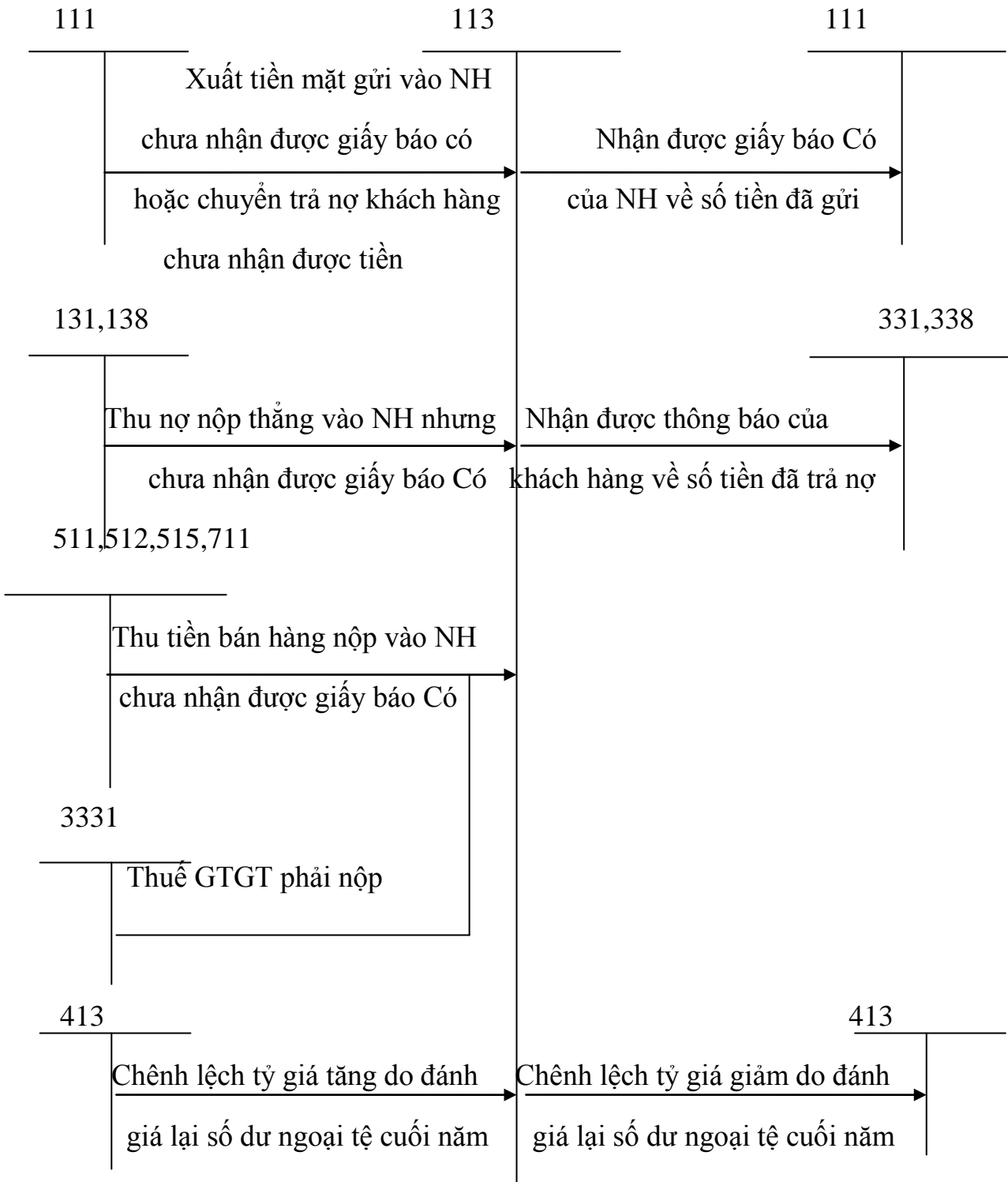
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

➤ **Số dư bên nợ:**

- Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

1.2.3.3. Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển

Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ (sơ đồ 1.5)



Sơ đồ 1.5 Kế toán tiền đang chuyển

1.2.4. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền:

Việc ghi chép vào sổ sách kế phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý mới có thể tăng năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Mỗi hình thức kế toán có nội dung, ưu điểm và phạm vi áp dụng thích hợp. Do vậy các doanh nghiệp cần phải căn cứ vào những cơ sở lựa chọn hình thức kế toán để xác định hình thức kế toán thích hợp cho đơn vị mình nhằm phát huy tốt nhất vai trò chức năng của kế toán trong công tác quản lý.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

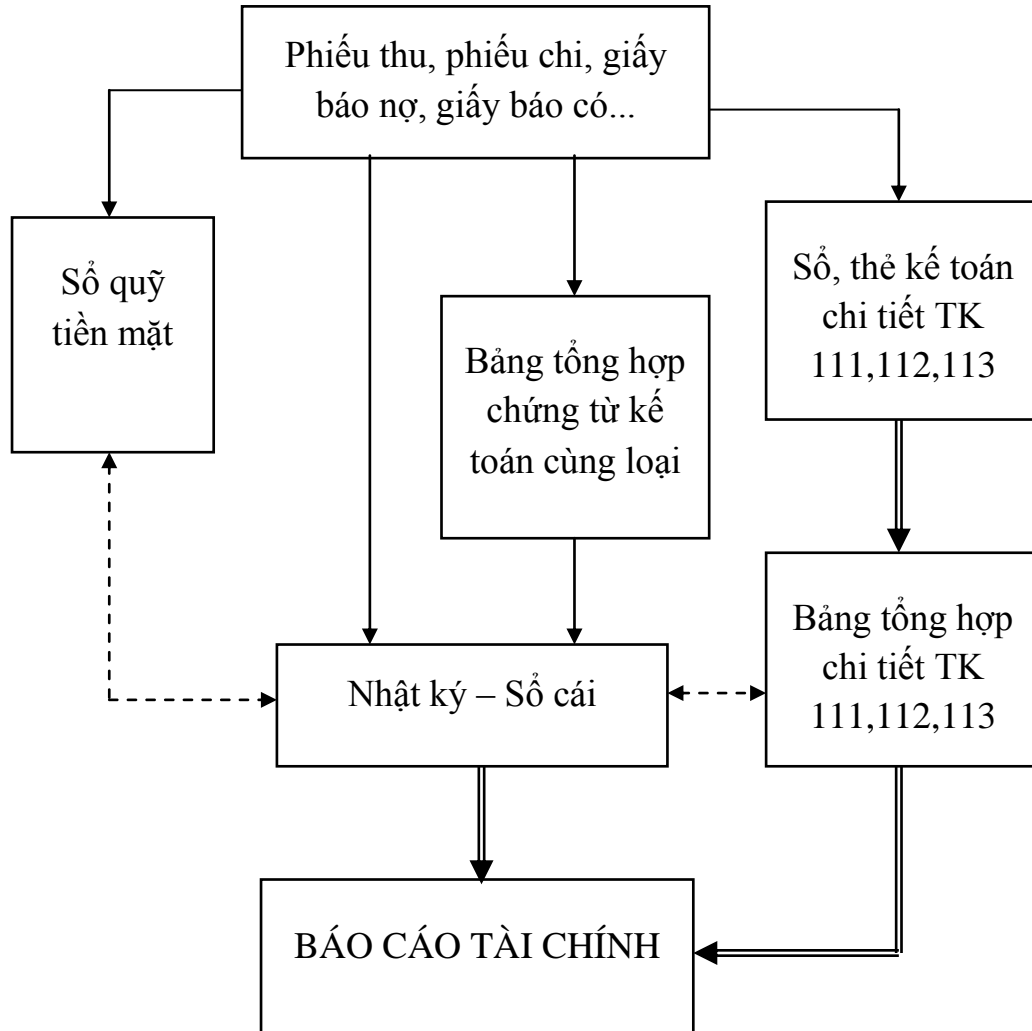
- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán:

- + Nhật ký - sổ cái
- + Nhật ký chung
- + Nhật ký chứng từ
- + Chứng từ ghi sổ
- + Kế toán máy

Sau đây là sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo các hình thức

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

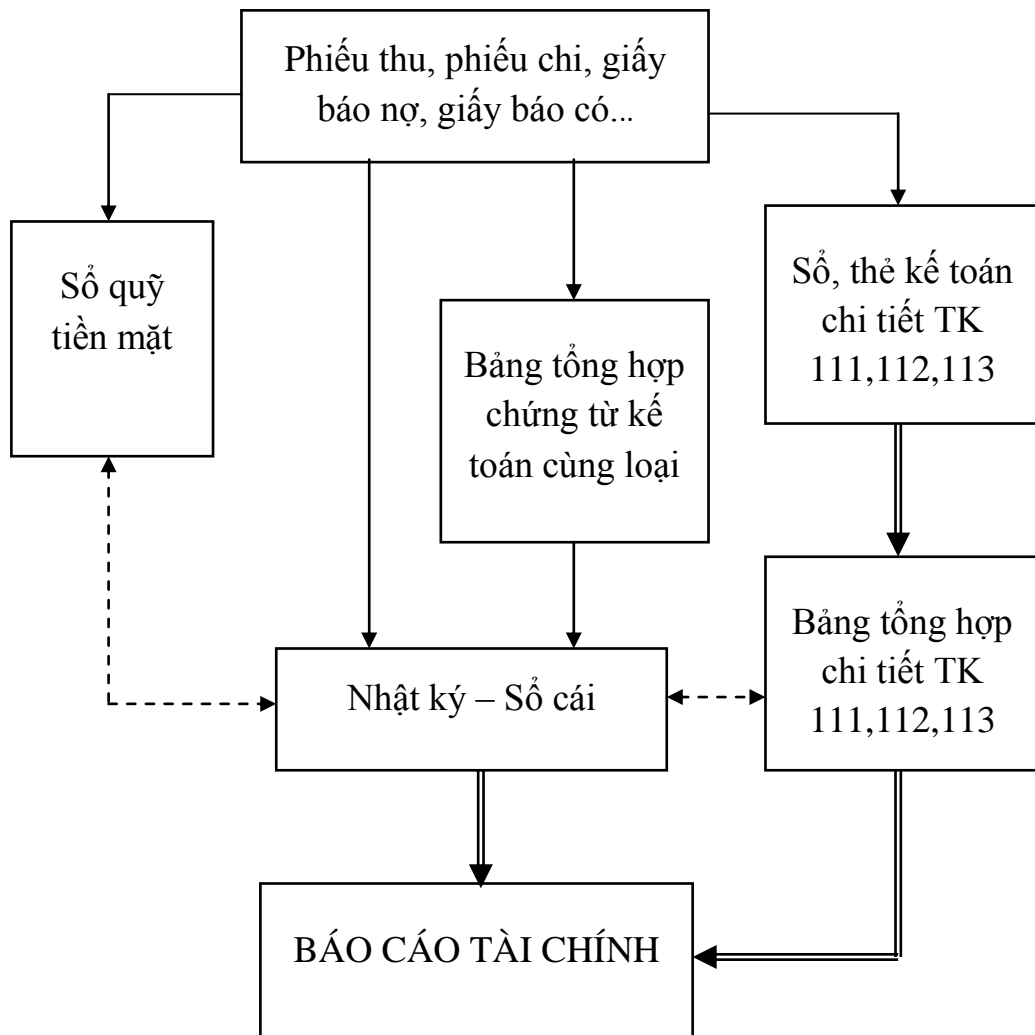
Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ

Nhật ký - sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết TK111,112,113. Sau khi khóa sổ thẻ kế toán chi tiết cuối tháng (cuối quý) lập bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 và đối chiếu với sổ nhật ký - sổ cái. Số liệu trên Nhật ký- sổ cái và trên bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra đối chiếu nếu khớp đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

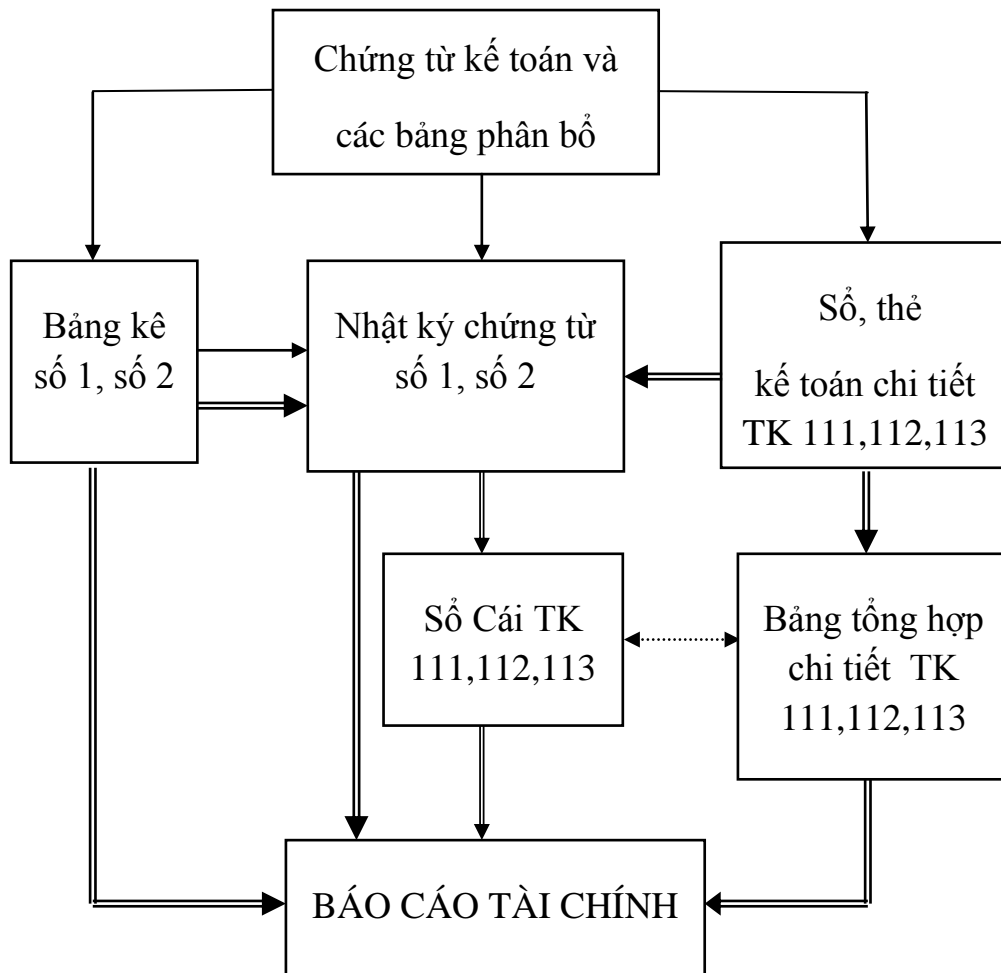
Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hợp lệ

kế toán định khoản kế toán rồi ghi vào sổ NKC theo thứ tự thời gian. Trường hợp đơn vị mở sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký đặc biệt. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ NKC để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Đồng thời với việc ghi sổ NKC các nghiệp vụ được ghi vào sổ kế toán chi tiết TK111,112,113. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết thì được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký- chứng từ



Ghi chú:

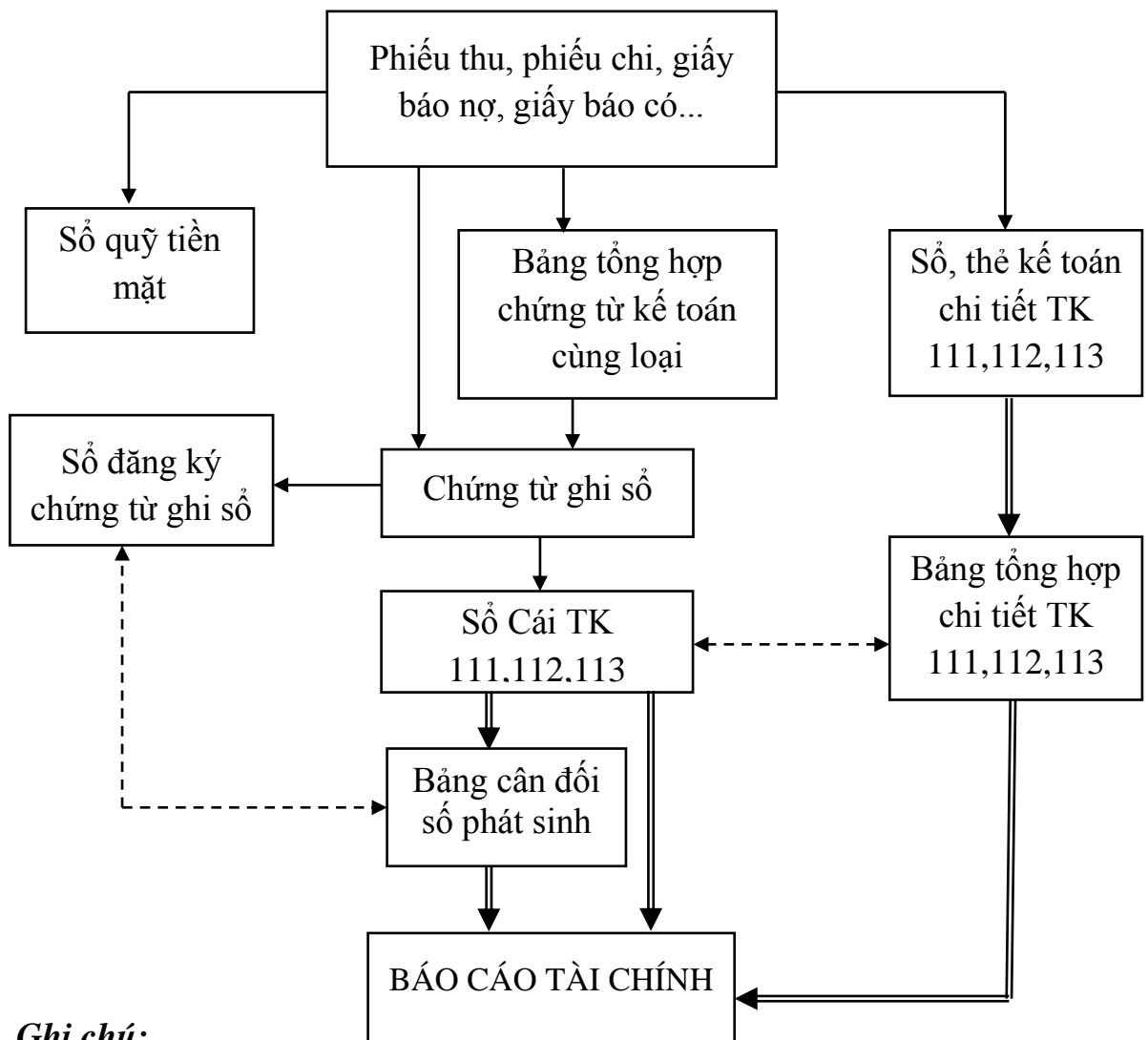
Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đổi chiếu, kiểm tra <----->

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc ghi trực tiếp vào các Nhật ký - chứng từ hoặc bản kê, sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng khóa sổ cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ thẻ kế toán chi tiết TK111,112,113, bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 rồi ghi trực tiếp vào sổ cái TK111,112,113. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ số 1, số 2, bảng kê số 1, số 2 và các bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 được dùng để lập báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

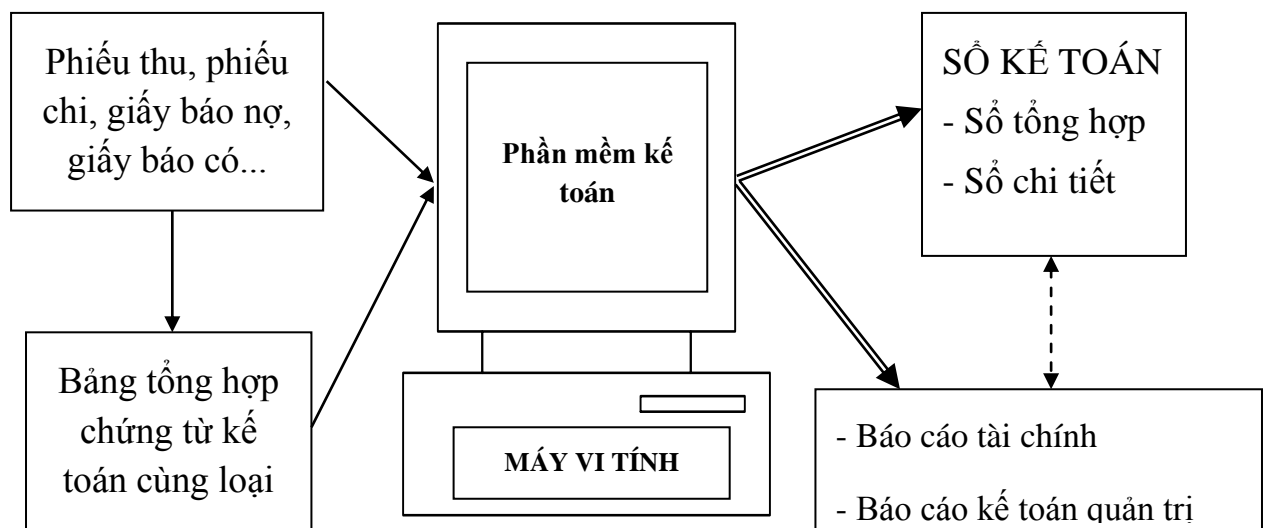


Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng	⇒
Đối chiếu, kiểm tra	↔

Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Cuối tháng, cuối quý căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã đối chiếu sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày	→
In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm	⇒
Đối chiếu, kiểm tra	↔

Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng (cuối

quý) hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Cuối tháng, cuối quý, hoặc cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG II:

TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI QUỐC TẾ AN THẮNG

2.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng được thành lập vào ngày 06 tháng 04 năm 2007 theo đăng ký kinh doanh số 0201043035 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng :

Địa chỉ: Km 89, Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, Hải Phòng

Fax: 84.0313.260407.

Công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng đã trải qua hơn 5 năm hình thành và lớn mạnh, công ty cũng đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy mô. Tháng 5 năm 2010 công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng tiếp tục mở thêm chi nhánh tại số 203 đường Trần Nguyên Hãn quận Lê Chân thành phố Hải Phòng. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

***.Thuận lợi:**

-Doanh nghiệp kinh doanh các ngành nghề có khả năng phát triển trong tương lai, với nền kinh tế ngày càng phát triển thì ngành dịch vụ chiếm ưu thế lớn để đáp ứng nhu cầu.

Bộ máy quản lý gọn nhẹ, được phân chia rõ ràng phù hợp với cơ cấu sản xuất. Phương pháp quản lý khoa học, tạo điều kiện cho người lao động phát huy được năng lực của mình.

Có người quản lý giỏi, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn.

***. Khó khăn:**

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng là một công ty trẻ chưa có vị thế trên thị trường.

Thị trường có tính cạnh tranh cao, trong thị trường đã có và ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh hơn.

- Mạng lưới marketing còn mỏng chưa đáp ứng được nhu cầu kinh doanh của công ty.

Hệ thống mạng lưới xe chuyên chở còn thiếu thốn chưa đáp ứng nhu cầu chuyên chở hàng hóa.

+ Những thành tích cơ bản mà công ty đã đạt được trong những năm qua :

Hầu hết các sản phẩm dịch vụ của công ty thực hiện trong năm 2011 đạt mức tăng trưởng khá cao so với thực hiện năm 2010.

Để đạt được mức tăng trưởng và sản lượng như trên là do ban lãnh đạo công ty đã bám sát tình hình chỉ đạo kịp thời và có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong công ty. Kinh doanh tiếp tục được mở rộng và hoàn thiện dịch vụ vận chuyên được chú ý và duy trì bổ sung phương tiện vận tải cho các khu vực.

Những kết quả mà công ty đạt được trong những năm gần đây rất đáng khích lệ sử dụng vốn vay chủ động tiếp cận nguồn vốn vay thương mại để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mua sắm trang thiết bị không ngừng mở rộng và phát triển sản xuất. Công ty phát triển với tốc độ cao về quy mô, chất lượng và hiệu quả kinh doanh.

Thương hiệu của công ty càng được củng cố thu hút được nhiều khách hàng, được các tổ chức trong và ngoài nước biết đến. Người lao động được đảm bảo có việc làm với thu nhập ngày càng cao và công ty cũng đã thực hiện tốt các chính sách xã hội.

Sau đây là báo cáo kết quả kinh doanh của công ty qua các năm :

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Chênh lệch
1	Tổng nguồn vốn	16,169,658,799	27,091,528,641	10,921,869,842
2	Doanh thu	59,717,637,344	128,906,442,035	69,188,804,691
3	Lợi nhuận TT	2,215,095,956	4,648,413,185	2,433,317,229
4	Mức lương CB BQ/tháng	2,700,000	3,000,000	300,000
5	Nộp ngân sách	533,773,990	1,167,103,000	633,329,010

Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty trong 2 năm 2010 và năm 2011

(Số liệu tổng hợp từ phòng kế toán công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng)

Qua bảng số liệu trên cho ta thấy Công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng là một doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Tuy bước đầu Công ty gặp nhiều khó khăn do đối thủ cạnh tranh trên thị trường quá mạnh. Năm 2011 tổng nguồn vốn của công ty đã đạt được 27,091,528,641 đồng tăng 10,921,869,842 đồng với tỷ lệ tăng là 167% so với năm 2010. Doanh thu năm 2011 đạt 128,906,442,035 đồng tăng 69,188,804,691 đồng so với năm 2010. Do đổi mới công tác quản lý có hiệu quả hơn và đào tạo được đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ nghiệp vụ chuyên môn cao, tâm huyết với nghề nên lợi nhuận trước thuế của công ty năm 2011 là 4,648,413,185 đồng tăng 2,433,317,229 đồng so với năm 2010. Đồng thời kéo theo thu nhập bình quân đầu người cũng tăng theo cụ thể là năm 2011 thu nhập bình quân đầu người là 3,300,000 đồng tăng 300,000 đồng so với năm 2010. Hằng năm công ty luôn nộp ngân sách nhà nước đầy đủ. Có thể nói từ khi thành lập đến nay công ty đã tồn tại khá vững chắc trong cơ chế thị trường.

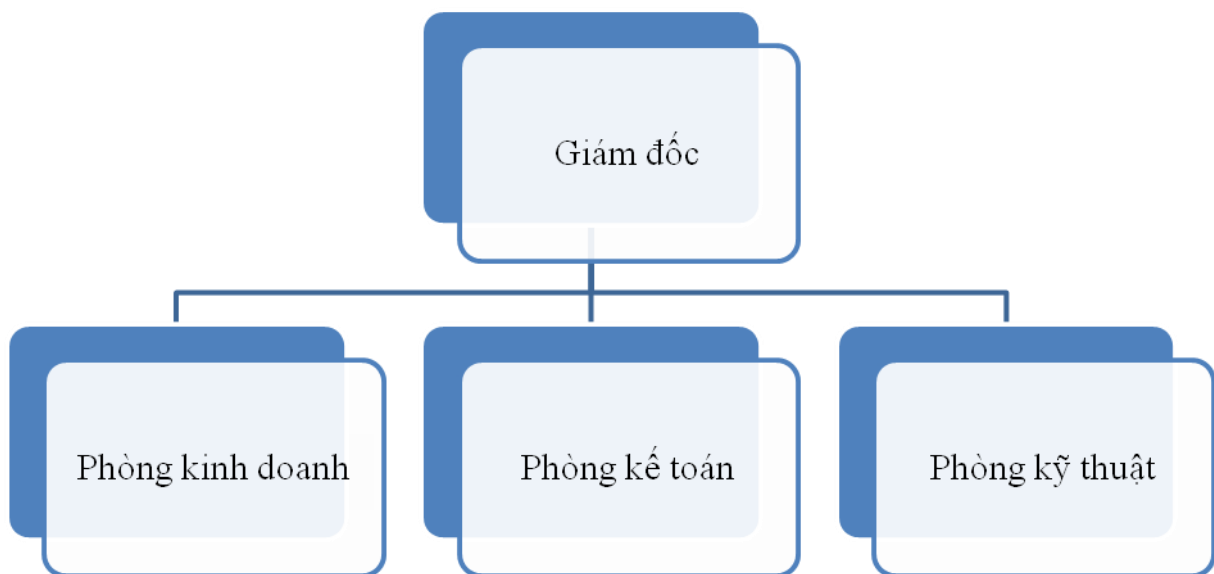
2.1.2 Đặc điểm kinh doanh của công ty

Xuất phát từ cơ cấu nguồn vốn cũng như tình hình cơ sở vật chất hiện có công ty đã không ngừng phát triển kinh doanh, đa dạng các loại hình dịch vụ...

Ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm kinh doanh các sản phẩm :

- + Đồ bảo hộ lao động
- + Gia dụng
- + Dịch vụ vận tải

1.3. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty.



Biểu 1.1 Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Chức năng mỗi phòng ban:

Giám đốc: Là người chịu trách nhiệm trước công ty, trước pháp luật nhà nước về mọi hoạt động của công ty. Giám đốc là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty, phụ trách chung quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty.

Phòng kế toán: Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho Giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành. Thường xuyên cung cấp cho Giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Trong đó Trưởng phòng tài chính kế toán giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác tài chính và kế toán, xúc tiến và quản lý công tác đầu tư, công tác tiền lương, thưởng và các khoản

thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động

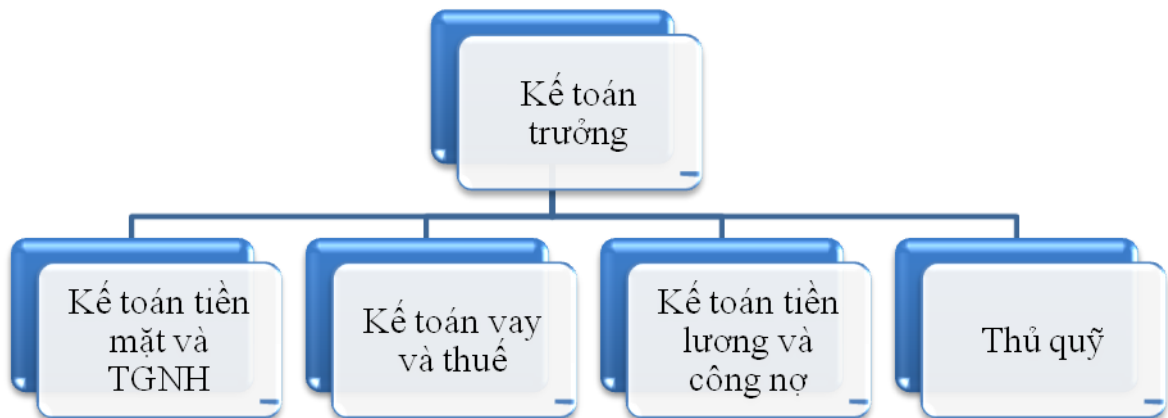
Phòng kinh doanh: Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách giao dịch thương thảo, ký kết các hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

Phòng kỹ thuật: có nhiệm vụ chuyên giao sản phẩm đến tay khách hàng, hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, bảo trì và hỗ trợ khách hàng sử dụng hàng hóa.

1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Biểu 1.2 : Mô hình tổ chức bộ máy kế toán



Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng: đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Sở dĩ công ty chọn hình thức này xử lý cung cấp thông tin một cách kịp thời.

Phòng kế toán trung tâm của công ty đã thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ

thu nhận ghi sổ, xử lý thông tin trên hệ thống báo cáo phân tích và tổng hợp của công ty.

Chức năng của từng bộ phận:

- Kế toán trưởng:

+ Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty. Kế toán có chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý. Giúp cho kế toán trưởng là các cán bộ nhân viên làm việc trong văn phòng.

- Kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng: theo dõi quỹ tiền mặt và có nhiệm vụ theo dõi tình hình bán hàng, tiêu thụ hàng hóa, đối chiếu lượng hàng hóa mua vào và bán ra, theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi Ngân hàng.

- Kế toán vay và thuế: có nhiệm vụ mở sổ chi tiết theo dõi các khoản nộp cho ngân sách Nhà nước, các khoản thuế được hoàn lại, được miễn giảm và thêm sổ chi tiết theo dõi chi tiết từng đối tượng cho vay. Hàng tháng, kế toán thuế có trách nhiệm lập báo cáo thuế gửi lên ban giám đốc và cơ quan thuế và báo cáo về tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước

- Kế toán tiền lương và công nợ: có nhiệm vụ tính toán tiền lương trả cho người lao động, tính và theo dõi Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn theo qui định. xác nhận các khoản nợ công ty, các khoản thanh toán của khách hàng.

- Thủ quỹ: giữ tiền và các khoản tương đương tiền; nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu chi, phiếu xuất); Lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra để xác định rõ nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

2.1.5.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty:

Để đáp ứng nhu cầu quản lý và thuận tiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng sử dụng hình thức kế toán nhật

ký chung. Công ty không sử dụng phần mềm kế toán.

➤ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Với hình thức kế toán nhật ký chung hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu chi, phiếu thu, giấy báo có, giấy báo nợ... để lập định khoản kế toán ghi trực tiếp vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian sau đó căn cứ vào sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái. Cuối tháng tổng hợp số liệu của sổ cái và lấy số liệu của sổ cái ghi vào bảng cân đối số phát sinh các tài khoản tổng hợp.

Đối với các tài khoản có mở các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ nhật ký chung phải căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng cộng sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào đó vào sổ cái. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu, bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ để lập báo cáo tài chính.

2.1.5.3. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty:

Công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng là một công ty hạch toán độc lập. công ty hạch toán kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn của hàng hóa, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp tính giá đích danh. Công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng để tính giá trị hao mòn của tài sản cố định. Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006 ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Kế toán áp dụng thống nhất trong niên độ kế toán:

Khấu hao TSCĐ theo phương thức đường thẳng

Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ..

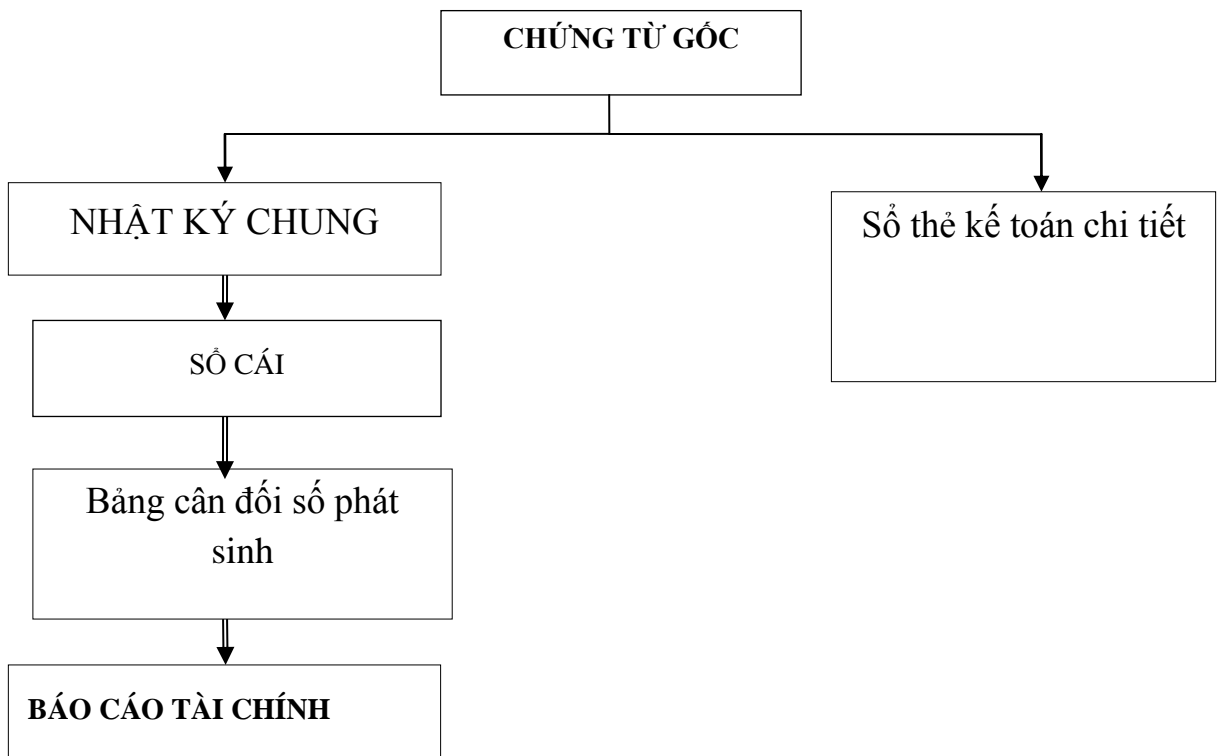
Hình thức ghi sổ: Nhật ký chung.

Đồng tiền sử dụng trong hạch toán: Đồng tiền Việt Nam (VNĐ)

Hệ thống tài khoản sử dụng trong doanh nghiệp được mở chi tiết cho từng tài khoản theo từng phần hành kế toán cụ thể.

Cuối tháng cuối quý, cuối năm, công số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập chứng từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Chi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <--->

Biểu 1.3 Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty

Các loại sổ sách được dùng trong hình thức nhật kí chung:

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

Mọi nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh là thực sự hoàn thành trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đều phải được lập chứng từ làm cơ sở pháp lý cho mọi ghi chép trên các tài khoản, sổ kế toán và báo cáo kế toán. Với mỗi phần hành kế toán lại có hệ thống hóa hơn, chứng từ đặc trưng. Do đó việc tổ chức hạch toán ban đầu phải được tổ chức một cách khoa học, hợp lý, đúng với quy định, nguyên tắc chung về chế độ chứng từ kế toán mà Nhà nước đã ban hành nhằm đảm bảo tính chính xác, kịp thời và đầy đủ mọi số liệu thông tin kế toán.

2.2 Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng

Kế toán vốn bằng tiền là phần hành kế toán không thể thiếu được đối với tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty. Nó là công cụ điều chỉnh quản lý và sử dụng tài sản. Nó đảm bảo quyền tự chủ tài chính của công ty, kế toán vốn bằng tiền giúp công ty xác định mức vốn cần thiết quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh. Nó đảm bảo cho các nhu cầu chi trả thanh toán thường xuyên, hằng ngày và đảm bảo cho quá trình hoạt động kinh doanh của công ty diễn ra liên tục thường xuyên.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh công ty thường xuyên sử dụng các loại vốn bằng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán giữa công ty với các đối tượng trong mối quan hệ mua bán hàng hóa, các khoản thuế phải nộp, tiền lương, bảo hiểm xã hội, thanh toán nội bộ công ty và các khoản phí khác bằng tiền.

Vì vậy, công ty rất coi trọng việc kiểm soát vốn bằng tiền, sử dụng vốn bằng tiền sao cho hiệu quả, khoa học, hợp lý và kịp thời.

Vốn bằng tiền của công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng bao gồm: Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng.

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là VNĐ. Trường hợp công ty có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng thì đều được quy đổi ngoại tệ ra VNĐ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

2.2.1 Tổ chức công tác kế toán tiền mặt tại công ty

Tiền mặt là số vốn bằng tiền được thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của công ty, thủ quỹ chỉ được xuất tiền ra khỏi quỹ khi có đầy đủ các chứng từ hợp lệ. Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại công ty được chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước. Kế toán tiền mặt phản ánh các nghiệp vụ thu tiền mặt vào quỹ như thu tiền bán hàng, lĩnh tiền gửi ngân hàng về quỹ, thu tạm ứng và các khoản thu khác. Phản ánh các khoản chi tiền mặt phát sinh trong kỳ kế toán như chi lương cán bộ công nhân viên, lương thưởng, chi tạm ứng, chi nộp ngân hàng, chi thanh toán các hội nghị, tiếp khách, trang thiết bị, công cụ dụng cụ đồ dùng...

Mọi nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền mặt, giữ gìn, bảo quản do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ là người được giám đốc công ty bổ nhiệm và chịu trách nhiệm giữ quỹ. Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm bảo quản, quản lý và thực hiện mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu chi tiền mặt. Tất cả khoản thu chi tiền mặt đều có chứng từ hợp lệ (phiếu thu, phiếu chi) và phải có đầy đủ chữ ký của người thu hoặc chi tiền và đóng dấu “đã thu tiền” lên chứng từ.

Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên. Cuối mỗi ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi vào sổ quỹ và lập báo cáo quỹ.

- Phiếu chi được kèm với HĐGTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

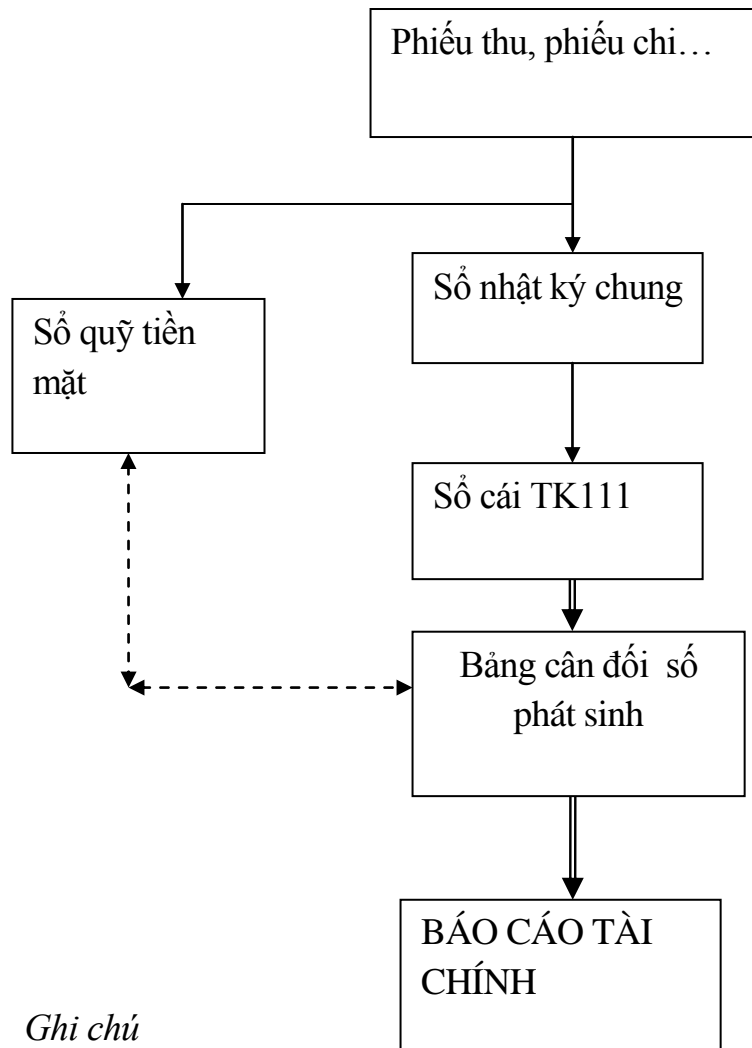
- Phiếu thu được kèm với HĐGTGT (Liên 3: Nội bộ)

Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay, trong trường hợp cần thiết phải làm thủ tục ủy quyền cho người khác làm thay và được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty.

Thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế, tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ hoặc sổ kế toán. Nếu chênh lệch thủ quỹ và kế toán phải tự kiểm tra, xác định lại và kiến nghị biện pháp giải quyết.

Kế toán tiền mặt sau khi nhận được báo cáo quỹ (có kèm theo chứng từ gốc) sẽ tiến hành đối chiếu số liệu trên từng chứng từ với số liệu trên sổ quỹ. Sau khi đối chiếu xong kế toán sẽ định khoản để ghi NKC và lên sổ cái TK tiền mặt đồng thời kế toán cũng ghi nhập vào sổ thu, sổ chi tiền mặt.

- Tài khoản sử dụng: 111 - Tiền mặt
- Các chứng từ sử dụng trong kế toán tiền mặt
 - + Phiếu thu
 - + Phiếu chi
 - +Hóa đơn GTGT
 - + Giấy nộp tiền
 - + Giấy thanh toán tiền
 - +Biên lai thu tiền
 - + Giấy đề nghị tạm ứng
 - Các sổ sách sử dụng trong kế toán tiền mặt
 - + Sổ quỹ tiền mặt
 - + Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 111
 - + Sổ kế toán chi tiết TK 111
- Quy trình luân chuyển chứng từ



Ghi chú

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
Ghi cuối kỳ: \Longrightarrow
Đối chiếu: \longleftrightarrow

Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hóa đơn bán hàng hoặc mua hàng để lập phiếu thu hoặc phiếu chi sẽ được chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật ký chung, vào sổ chi tiết tài khoản tiền mặt, từ sổ nhật ký chung sẽ vào sổ cái tiền mặt, cuối quý căn cứ vào sổ chi tiết và sổ cái đã lập kế toán vào bảng cân đối tài khoản và báo cáo kế toán cho quý đó.

2.2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt

a, Kế toán thu tiền mặt

Các nguồn thu chủ yếu của công ty bao gồm

- Thu từ việc bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT hay không chịu thuế GTGT
- Thu từ hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác
- Thu hồi từ các khoản nợ phải thu
- Thu tạm ứng
- Thu lãi từ tiền gửi Ngân hàng
- Các khoản thu khác

Khi phát sinh các nghiệp vụ thu tiền căn cứ vào các hóa đơn, các giấy thanh toán tiền, kế toán tiền mặt lập phiếu thu tiền mặt. Sau khi được kế toán trưởng kiểm duyệt phiếu thu được chuyển cho thủ quỹ để ghi tiền. Sau đó thủ quỹ sẽ ghi số tiền thực nhận vào phiếu thu đóng dấu đã thu vào phiếu thu.

Trong tháng 12 năm 2012 công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng có nhiều những nghiệp vụ thu tiền mặt, sau đây là một số ví dụ cụ thể:

Nghiệp vụ 1:

Ngày 1 tháng 12 năm 2011 công ty CP Hồng Nhật thanh toán công nợ theo HĐ 708 với số tiền là 4,920,000 đồng. Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán ghi vào phiếu thu số 07

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH TM &VT QT AN THẮNG

Địa chỉ: KM89-Nguyễn Văn Linh-LC-HP

Mã số thuế:0200584874

Mẫu số :01-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU THU

Số : 07

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Nợ TK111: 4.920.000

Có 331: 4.920.000

Họ tên người nộp tiền :

Địa chỉ:

Lý do nộp

Số tiền:

Số tiền viết bằng chữ:

Đã nhận đủ số tiền:

Kèm theo:0 chứng từ gốc

Công ty CP Hồng Nhật

63 Nguyễn Bình Khiêm - Ngô Quyền – HP

Thanh toán công nợ

4.920.000

Bốn triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng

Bốn triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.1.1 Phiếu thu tiền mặt 07

Nghiệp vụ 2: Ngày 1 tháng 12 năm 2011 công ty TNHH SXTM Xuân Phát thanh toán tiền mua máy in .Cộng tiền hàng 2.500.000 đồng, thuế VAT 10% là 250.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

đồng. Căn cứ vào HĐGTGT số 0001823 kế toán viết phiếu thu số 08

Biểu 2.1.2 Hoá đơn GTGT số 0001823

HOÁ ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT3/001														
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Ký hiệu: AA/11P														
Ngày 01 tháng 12 năm 2011	Số : 0001823														
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH thương mại vận tải quốc tế An Thắng Địa chỉ: KM89- Nguyễn Văn Linh-Lê Chân-HP Số tài khoản:															
MS	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>	0	2	0	0	5	8	4	8	7	4				
0	2	0	0	5	8	4	8	7	4						
Họ tên người mua hàng Tên đơn vị : công ty TNHH SXTM Xuân Phát Số tài khoản Hình thức thanh toán: TM															
MS	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>	0	2	0	0	6	3	0	2	6	3				
0	2	0	0	6	3	0	2	6	3						
STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3										
1	Máy in	Chiếc	1	2.500.000	2.500.000										
Cộng tiền hàng:		2.500.000													
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT : 250.000													
Tổng cộng tiền thanh toán : 2.750.000															
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị													
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>													

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

CÔNG TY TNHH TM &VT QT AN THẮNG

Địa chỉ: KM89-Nguyễn Văn Linh-LC-HP

Mã số thuế:0200584874

Mẫu số :01-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU THU

Số 08

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Nợ TK111:2.750.000

Có 511: 2.500.000

Có 3331: 250.000

Họ tên người nộp tiền : Công ty CP Hồng Nhật

Địa chỉ: 63 Nguyễn Bình Khiêm - Ngô Quyền – HP

Thanh toán công nợ

Lý do nộp
2.750.000

Số tiền viết bằng chữ: *Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*

Đã nhận đủ số tiền:

Kèm theo:01 chứng từ gốc

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.1.3 Phiếu thu tiền mặt số 08

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nghiệp vụ 3 : Ngày 31/12/2010 thu tiền tạm ứng chi không hết từ chị Đoàn Thị Phương nhập quỹ. Trước khi thanh toán số tiền tạm ứng chi không hết chị Đoàn Thị Phương viết giấy thanh toán tiền tạm ứng. Trình bày số tiền đã nhận và chi (kèm theo các chứng từ có liên quan) để chứng minh số tiền đã chi và xác định số tiền hoàn ứng còn lại.

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 30

Nợ TK 111:

Có TK 141:

- Họ và tên người thanh toán: Đoàn Thị Phương
- Bộ phận: Phòng kinh doanh
- Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

Diễn giải	Số tiền
I. Số tiền tạm ứng	70.000.000
1. Số tạm ứng kỳ trước chi không hết	
2. Số tạm ứng kỳ này	70.000.000
- Phiếu chi số :100 ngày 26 tháng 12 năm 2010	70.000.000
II. Số tiền đã chi:	52.360.000
1. Chứng từ HDGTGT số 0035479 ngày 26/12/2010	52.360.000
2.....	
III. Chênh lệch	17.640.000
1. Số tạm ứng chi không hết (I - II)	17.640.000
2. Chi quá số tạm ứng (II - I)	

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Người đề nghị thanh toán

Sinh viên: Vũ Thị Khánh Chi

46

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.1.4 : Giấy thanh toán tiền tạm ứng số 3

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Số : 0085973			
Ngày 26 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Samnec					
Địa chỉ: số 4 Hồ Sen Hải Phòng					
Điện thoại.....MS					
Họ tên đơn vị người mua hàng: Đoàn Thị Phương					
Tên đơn vị : công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng					
Hình thức thanh toán : TM					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Tivi	Chiếc	2	15.000.000	30.000.000
2	Tủ lạnh	Chiếc	4	4.400.000	17.600.000
Cộng tiền hàng:47.600.000					
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế: 476.000		
Tổng cộng tiền thanh toán: 52.360.000					
Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn</i>					
Sinh viên: Vũ Thị Khánh Chi		47			

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH TM &VT QT AN THẮNG

Địa chỉ: KM89-Nguyễn Văn Linh-LC-HP

Mã số thuế:0200584874

Mẫu số :01-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU THU

Số : 132

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Nợ TK111:17.640.000

Có 141: 17.640.000

Họ tên người nộp tiền : Đoàn Thị Phương

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do nộp Nộp tiền tạm ứng chi không hết

17.640.000

Số tiền: *Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng*

Số tiền viết bằng chữ: *Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng*

Đã nhận đủ số tiền:

Kèm theo:02 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.1.6 Phiếu thu tiền mặt số 132

b, Kế toán chi tiền mặt:

Các nguồn chi chủ yếu của công ty bao gồm:

- Chi tạm ứng
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hóa, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên.
- Chi trả nợ cho người bán và ngân hàng
- Chi các khoản nộp ngân sách nhà nước.
- Các khoản chi khác.

Khi phát sinh các nghiệp vụ chi tiền, thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi để chi phần tiền sau khi có đầy đủ chữ ký kế toán trưởng và của giám đốc công ty. Căn cứ vào số tiền thực chi của thủ quỹ ghi vào sổ quỹ đến cuối ngày thì chuyển cho kế toán tiền mặt để ghi sổ .

Tháng 12 năm 2011 công ty TNHH thương mại và vận tải An Thắng có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản chi. Sau đây là một số nghiệp vụ chủ yếu:

Nghiệp vụ 4:

Ngày 08 tháng 12 năm 2011 nộp tiền điện thoại tháng 11. Số tiền chưa thuế VAT10% là 252.052 đồng, thuế VAT 10% là 25.205 đồng. Đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐGTGT 2902965 (liên 2). Kế toán viết phiếu chi số 06

CÔNG TY TNHH TM &VT QT AN THẮNG

Địa chỉ: KM89-Nguyễn Văn Linh-LC-HP

Mã số thuế:0200584874

Mẫu số :01-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số : 06

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Nợ TK642 : 252.052

Nợ TK 1331: 25.205

Có TK 111: 277.257

Họ tên người nhận tiền : Phạm Hải Ngọc

Địa chỉ: Công ty viễn thông VNPT

Lý do chi Thanh toán cước điện thoại tháng 11/2011

Số tiền viết bằng chữ 277.257

Đã nhận đủ số tiền: *Hai trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi bảy đồng*

Kèm theo:01 chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Giám đốc **Kế toán trưởng** **Người lập phiếu** **Thủ quỹ** **Người nhận tiền**
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

S

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP. HẢI PHÒNG
ĐƠN VỊ THU:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 04-05/BLP
Xã số: AS/2011

BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ
(Liên 2: Giao cho người nộp tiền) Số: 0035328

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền: *Chi. T.V.V.H. T.M. C. V.I. quốc tế. T. An. Thăng.*

Địa chỉ:

Lý do nộp (ghi tên loại phí, lệ phí):

Số tiền: *217.000*

(Viết bằng chữ): *Hai trăm mười bảy ngàn đồng chẵn.*

Hình thức thanh toán:

Ngày *11* tháng *12* năm 20*11*

Người thu tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)
U. pi. 83.000

In tại Trung tâm CP, Tin học & CHPH (MITECO) - H. Trần Khánh Dư - 031.3836481 - FAX: 031.3836480

Biểu 2.1.7 Phiếu chi tiền mặt số 06

Nghiệp vụ 5: Thanh toán tiền lệ phí chứng thực. Số tiền là 217.000 đồng. Đã chi bằng tiền mặt. Theo biên lai số 0035328, kế toán viết phiếu chi số 07

CÔNG TY TNHH TM &VT QT AN THẮNG

Mẫu số :01-TT

Địa chỉ: KM89-Nguyễn Văn Linh-LC-HP

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Mã số thuế:0200584874

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số : 07

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Nợ TK6428:217.000

Có 111: 217.000

Họ tên người nhận tiền : **Hoàng Hải Hà**

Địa chỉ: **Phòng kế toán**

Lý do chi: **Thanh toán tiền lệ phí công chứng**

217.000

Số tiền viết bằng chữ: *Hai trăm mười bảy ngàn đồng*

Đã nhận đủ số tiền:

Kèm theo:01 chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu


Thủ quỹ

Người nhận tiền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

B
N
đ
đ
ph



XANG DẦU BẠCH ĐĂNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU BẠCH ĐĂNG
SỐ NGŨ SỰ - TP. HẢI PHÒNG

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU BẠCH ĐĂNG** Mã số thuế: **0200607994**

Địa chỉ: Số 109 Nguyễn Bình Khiêm, P. Lạch Tray, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.852.499 - 0983.997.689

Số tài khoản:

Mẫu số: 01GT/KT/001
Ký hiệu: AA/11P
Số **0001817**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH TM A VI Quốc tế An Thắng

Mã số thuế: 0202584874

Địa chỉ: Km 19 Nguyễn Xuân Linh LC TP

Hình thức thanh toán T Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	<u>Dầu Diesel</u>	<u>lit</u>	<u>900</u>	<u>19090.909</u>	<u>17.229.091</u>
<p>Cộng tiền nong:</p> <p>Thuế suất GTGT: <u>10%</u> Tiền thuế GTGT: <u>1.742.909</u></p> <p>Lệ phí xăng dầu: <u>190.000</u></p> <p>Tổng cộng tiền thanh toán: <u>19.992.000</u></p> <p>Số tiền viết bằng chữ: <u>Một十九 triệu chín trăm chín mươi hai ngàn</u></p>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phạm Tiến Cảnh
CHỦ HÀNG TRƯỞNG

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

29

Biểu 2.1.9 HĐGTGT liên 2 số 0001817

CÔNG TY TNHH TM &VT QT AN THẮNG

Địa chỉ: KM89-Nguyễn Văn Linh-LC-HP

Mã số thuế:0200584874

Mẫu số :01-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số : 98

Ngày 24 tháng 12 năm 2011

Nợ TK6428 :18.219.000

Nợ TK 1331:1.772.909

Có 111: 19.992.000

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Duy Linh

Địa chỉ:: Phòng kinh doanh – HP

Lý do chi Thanh toán tiền mua dầu diesel

19.992.000

Số tiền: Mười chín triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng

Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng

Đã nhận đủ số tiền:

Kèm theo:01 chứng từ gốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.1.10 Phiếu chi số 98

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng
Km89 Nguyễn Văn Linh-LC-HP

NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
			Số phát sinh					
1/12/2011	PT 07	1/12/2011	Cty CP Hồng Nhật TTCN	x		111	4,920,000	
				x		131		4,920,000
1/12/2011	PT08	1/12/2011	TNHH Xuân Phát thanh toán tiền hàng	x		111	2,750,000	
				x		511		2,500,000
				x		3331		250,000
8/12/2011	PC06	8/12/2011	TT cước điện thoại	x		6428	252,052	
				x		1331	25,025	
				x		111		277,257
8/12/2011	PC07	8/12/2011	Chi tiền lệ phí công chứng	x		6428	217,000	
				x		1111		217,000
							
24/12/2011	PC98	24/12/2011	Thanh toán tiền	x		6428		1,829,091

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

			mua dầu diesel	x		1331		1,772,909
				x		111		19,992,000
31/12/2011	PT132	31/12/2011	Tạm ứng không hết nhập quỹ	x		111	17,640,000	
				x		141		17,640,000
							
			Cộng số phát sinh				1,279,003,665	1,279,003,665

Biểu 2.1.11 Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2011

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Km89 Nguyễn Văn Linh-LC-HP

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Trích tháng 12 năm 2011

ĐVT: VNĐ

NTCT	SH Chứng từ		Diễn giải	Số tiền		Tồn	Ghi chú
	Thu	Chi		Thu	Chi		
A	B	C	D	1	2	3	G
			Số dư đầu kỳ			491,776,643	
1/12/2011	PT 07		Cty CP Hồng Nhật TTCN	4,920,000		496,696,643	
1/12/2011	PT 08		Cty Xuân Phát TT tiền hàng	2,750,000		499,446,643	
1/12/2011		PC02	TTCN theo HĐ3424		18,865,000	477,831,643	
						
8/12/2011		PC06	TT cước điện thoại		277,257	486,719,039	
8/12/2011		PC07	TT lệ phí công chứng		217,000	486,936,039	
						
12/12/2011		PC 52	Nộp tiền vào TK		12,000,000	538,963,058	
						
24/12/2011		PC98	Mua dầu diesel		19,992,000	634,144,793	
						
31/1/2011	PT132		Tạm ứng không hết nhập quỹ	17,640,000		494,276,432	
						

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

			Cộng SPS	651,526,105	1,069,706,315		
			Số dư cuối kỳ			73,596,433	

Biểu 2.1.12 Trích Sổ quỹ tiền mặt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Km89 Nguyễn Văn Linh-LC-HP

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT TIỀN MẶT

Tài khoản: 111

Loại quỹ: Tiền mặt VN

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	NTCT	SH Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số PS		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Nợ	Có		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	G
				Số dư đầu kỳ				491,776,643	
				Số phát sinh					
1/12/2011	1/12/2011	PT 07		Cty CP Hồng Nhật TTCN	131	4,920,000		496,696,643	
1/12/2011	1/12/2011	PT 08		Cty Xuân Phát trả tiền hàng	511	2,500,000			
					3331	25,000			
1/12/2011	1/12/2011		PC02	TTCN theo HĐ3424	331		18,865,000	477,831,643	
								
8/12/2011	8/12/2011		PC06	TT cước điện thoại	6428		277,257	486,719,039	
8/12/2011	8/12/2011		PC07	TT lệ phí công chứng	6428		217,000	486,936,039	
				...					
12/12/2011	12/12/2011		PC 52	Nộp tiền vào TK	112		12,000,000	538,963,058	
								
24/12/2011	24/12/2011		PC98	Mua dầu diesel	6428		19,992,000	634,144,793	
								
31/1/2011	31/1/2011	PT132		Tạm ứng không hết nhập quỹ	141	17,640,000		494,276,432	
								
				Cộng SPS		651,526,105	1,069,706,315		
				Số dư cuối kỳ				73,596,433	

Biểu 2.1.13 Sổ kế toán chi tiết tiền mặt

(Trích tháng 12 năm 2011)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Km89 Nguyễn Văn Linh-LC-HP

SỔ CÁI

TK Tiền mặt Số hiệu TK 111

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
B	C	D	E	G	H	1	2
		Số dư đầu kỳ				491,776,643	
		Số phát sinh					
PT 07	1/12/2011	Cty CP Hồng Nhật TTCN			131	4,920,000	
PT08	1/12/2011	TNHH Xuân Phát thanh toán tiền hàng			511	2,500,000	
					3331	25,000	
PC 06	8/12/2011	TT cước điện thoại			6428		252,052
					1331		25,025
PC07	8/12/2011	Chi tiền lệ phí công chứng			6428		217,000
						
PC98	24/12/2011	Thanh toán tiền mua dầu diesel			6428		1,829,091
					1331		1,772,909
PT132	31/12/2011	Tạm ứng không hết nhập quỹ			141	17,640,000	
						
		Cộng số phát sinh				651,526,105	1,069,706,315
		Số dư cuối kỳ				73,596,433	

Biểu 2.1.14 Sổ cái tài khoản tiền mặt

(Trích tháng 12 năm 2011)

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty

Tiền gửi ngân hàng là một bộ phận của vốn bằng tiền mà công ty ký gửi tại ngân hàng. Công ty phải gửi tất cả vốn bằng tiền vào ngân hàng (ngoài số tiền để lại công ty) việc rút gửi hoặc trích để chi trả bằng tiền gửi ngân hàng thì phải có chứng từ nộp lĩnh hoặc có chứng từ thanh toán thích hợp với các thể thức thanh toán và phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được phản ánh vào TK 112.

Đối với những công ty có những tổ chức, bộ phận trực thuộc có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận lợi cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải tổ chức kế toán chi tiết theo từng loại tiền gửi, từng ngân hàng, kho bạc, công ty tài chính để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Trong quá trình kinh doanh công ty gửi số tiền của mình vào ngân hàng để thực hiện các nghiệp vụ thanh toán. Khi cần chi tiêu công ty phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán TGNH được công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi. Căn cứ để hạch toán tiền gửi ngân hàng là giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, chi).

Khi nhận các chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu cuối tháng vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân của chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu trong giấy báo hay bảng sao kê của ngân hàng. Sang tháng sau phải tiếp tục kiểm tra, đối chiếu và tìm ra nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh số liệu ghi sổ. Hiện nay công ty thực hiện giao dịch với 2 ngân hàng là:

- + Ngân hàng Techcom Bank
- + Ngân hàng Maritime Bank
- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản để hạch toán tiền gửi ngân hàng là TK 112. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

➤ Các chứng từ sử dụng

+ Giấy nộp tiền

+ Giấy báo có

+ Giấy báo nợ

+ Ủy nhiệm chi

+ Lệnh chuyển tiền

+ Phiếu tính tiền lãi

➤ Các sổ sách sử dụng

+ Sổ phụ khách hàng

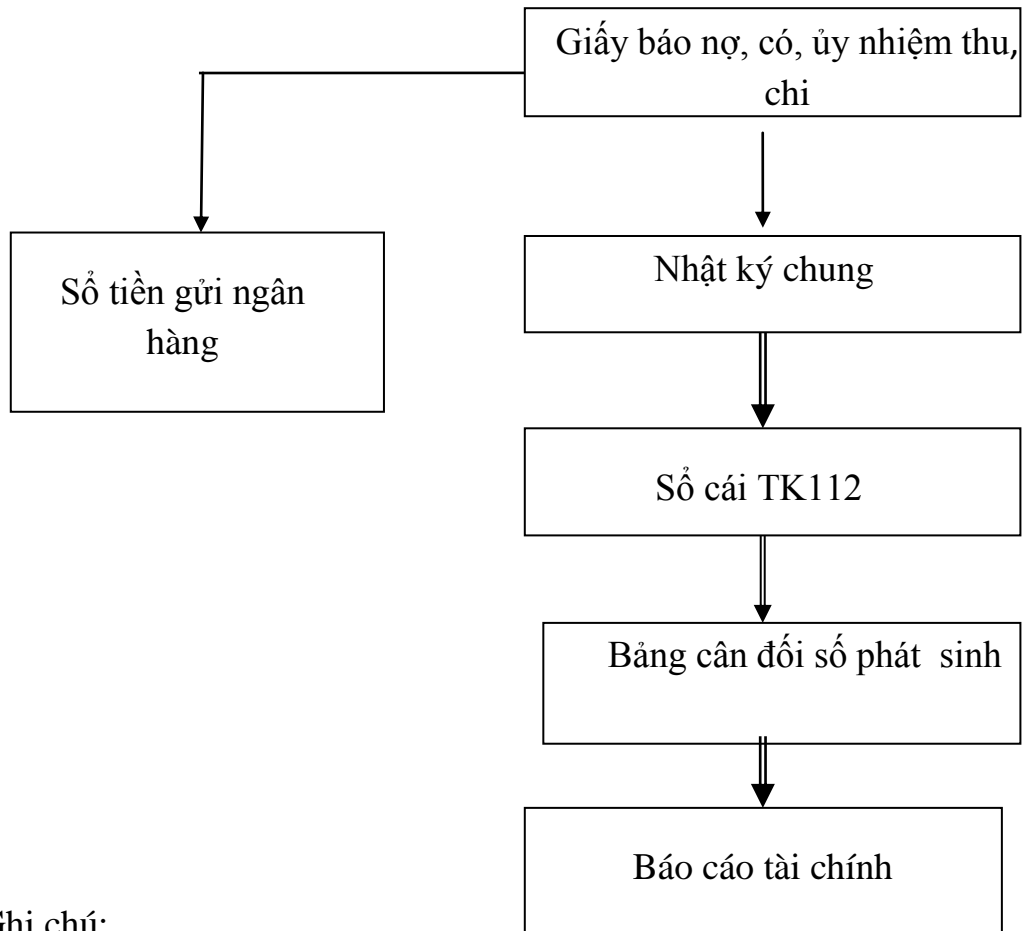
+ Sổ tiền gửi Ngân hàng

+ Sổ nhật ký chung

+ Các sổ kế toán chi tiết liên quan.

➤ Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty TNHH thương mại và vận tải An thắng

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền gửi Ngân hàng tại công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.5)



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi theo tháng : \Longrightarrow

Đối ứng, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, giấy báo có, séc chuyên khoản, giấy nộp tiền, sổ phụ tài khoản ...kế toán tiến hành ghi vào nhật ký chung và đồng thời ghi sổ chi tiết tài khoản 112. Sổ chi tiết TK 112 được mở chi tiết theo từng Ngân hàng. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 112, cuối tháng tổng hợp từ sổ cái kế toán tiến hành ghi vào bảng cân đối số phát sinh sau đó lập báo cáo tài chính.

2.2.2.1. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng tại công ty:

Một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12 năm 2011 liên quan đến tiền gửi Ngân hàng.




*Tăng TGNH

Nghiệp vụ 7:

Ngày 13 tháng 12 năm 2011, công ty IHI chuyển trả tiền hàng vào tài khoản của công ty số tiền là 3.820.000 đồng. Công ty nhận được giấy báo có, sổ phụ khách hàng.

Mẫu số 01/MSB/2006 (140x190mm) được kiểm soát bởi GTGT	MARITIME BANK	GIẤY BÁO CÓ <i>ADVICE OF CREDIT</i>	Liên 2: Giao khách hàng <i>For Customer</i>
	Đơn vị/Branch: CN Hồng bàng MST/Tax code: 0200124891-013		Số Seq No: FPTIBPS020 60 Ngày/Date: 13 12 2011
	SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT NO: 021 01 01 000215 5		KY THIET CHUNG TO
	TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: CÔNG TY TNHH TM VÀ VT QUỐC TẾ AN THẮNG		
Kính gửi/To: Cty TNHH TM &VT QT An Thắng		Ngân hàng Hàng Hai xin trân trọng thông báo: Tiền hàng tài khoản của Quý khách hàng được GHI CÓ như sau:	
Mã số thuế: 0200584874		Please note that we have today <i>CREDIT</i> your account with the following entries:	
Người gửi: IHI INFRASTRUCTURE ASIA CO., LTD			
DIỄN GIẢI/PARTICULARS		SỐ TIỀN/AMOUNT (VND)	SỐ TIỀN QUY ĐỔI/EQUIVALENT
CHUYỂN TIẾP NH HÀNG HAI CN HONG BANG - INK FOR COLOUR PRINTER FOR IIA NI. FACTORY			
Số tiền GHI CÓ/CREDIT amount		3.820.000.00	
Phí dịch vụ/Service charge:			
Thuế GTGT/VAT:			
Tổng Số tiền GHI CÓ/Total CREDIT amount		3.820.000.00	
NV thực hiện giao dịch/Teller: FPTIBPS020			
		Kiểm soát	Giám đốc
Người lập/Prepared by			

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP


 <p>MARITIME BANK</p> <p>Đơn vị/Branch: CN Hồng bàng MST/Tax code: 0200124891-013</p>	<p>SỔ PHỤ TÀI KHOẢN Statement of Account</p>	<p>Ngày/Date: 13/12/2011 Số sổ/Book No: 1 Ngày giao dịch trước/Last transaction date:</p>	
<p>SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT NO: 021-01-01-000215-5 / VND / TÀI KHOẢN KHÔNG KÝ HẠN TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: 103206 · CÔNG TY TNHH TM VÀ VT QUỐC TẾ AN THẮNG</p>		<p>KY HIỆU CHUNG LƯU</p>	
<p>Kính gửi/To: Cty TNHH TM &VT QT An Thắng MST khách hàng/Customer taxcode: 0200584874</p>		<p>Ngân hàng TMCP Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách hàng phát sinh giao dịch như sau: <i>Please be informed all transactions posted to your account today are as follows:</i></p>	
SỐ TT/SEQ NO	DIỄN GIẢI/DESCRIPTION OF TRANSACTIONS	GHI NỢ/DEBIT	GHI CỎ/CREDIT
FPTIBPS020/30	TC:H76800013.TT VAT TU MAY IN	0.00	3.228.500
FPTIBPS020/60	CHUYEN TIEP NH HANG HAI CN HONG BANG INK FOR COLOUR PRINTER FOR IIA NL FACTORY	0.00	3.820.000
Số dư đầu/Yesterday balance:			28.022,331.00
Lũy kê/Accrued:			
Ngày/Daily		0.00	7.048.500
Tháng/Monthly		0.00	7.048.500
Năm/Yearly		0.00	7.048.500
Số dư cuối/Statement balance:			35.070,831.00
<p>NV thực hiện giao dịch/Teller: DD021002 CB kiểm soát giao dịch/Supervisor:</p>			
 <hr/> Người lập/Prepared by		 <hr/> Kiểm soát/Verified by	
Giám đốc/Approved by:			

Sổ phụ ngân hàng Maritime Bank ngày 13 tháng 12 năm 2011

Nghiệp vụ 8:

Ngày 12 tháng 12 năm 2011, Đặng Văn Tự nộp tiền vào tài khoản NH số tiền là 12.000.000 đồng. Công ty nhận được giấy nộp tiền, giấy báo có, sổ phụ tài khoản.

GIẤY NỘP TIỀN
Deposit Slip

TECHCOMBANK 

Liên 2: Khách hàng giữ (For customer)

Giờ (Time) 1 Ngày (dd/mm/yyyy) 12/12/2011 Mã GDV (Teller code) _____ Số bút toán (Transaction no.) _____

Yêu cầu nộp tiền vào tài khoản / Please credit account

Số tài khoản (Account number): 1101912115111104810116
 Tên tài khoản (Account name): Cty TNHH TM và VQT An Bình
 Địa chỉ (Address): KH89 - NVL - LC - HP
 Ngân hàng (With bank): NH TM CP Kỹ thuật và V (VCCI)

Người nộp tiền / Depositor

Họ và tên (Full name): Dũng Văn Tú
 Địa chỉ (Address): KH89 - NVL - LC - HP

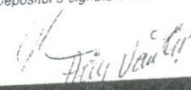
Nội dung / Details

Phí ngân hàng (Bank's charges)
 Phí trong (Including) Phí ngoài (Excluding)


Số tiền / With amount

Loại tiền (Currency): VND EUR
 USD Khác (Other) _____

Số tiền bằng số (Amount in figures): 12.000.000
 Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười hai triệu đồng chẵn

Người nộp tiền ký, ghi rõ họ tên (Depositor's signature and full name):


Dành cho ngân hàng / For bank use only

Giao dịch viên (Teller):  Kiểm soát (Supervisor) _____ Thủ quỹ (Cashier) _____ Giám đốc (Director) _____

ĐÃ THU TIỀN
 12-12-2011

Giấy nộp tiền vào tài khoản ngân hàng TECHCOMBANK

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

 <p>NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM HPG- TCB HAI PHONG MST: 0100230800-004</p>	 <p>TECHCOMBANK</p>	<p>Theo công văn số 21208/CT/AC Cục thuế Hà Nội</p>						
<p>PHIẾU BÁO CÓ</p>		<p>Trang 1/1</p>						
<p>Ngày 12 tháng 12 năm 2011</p>								
<p>Kính gửi : CÔNG TY TNHH TM VÀ VT QUỐC TẾ AN THẮNG Địa chỉ : Km89-Nguyễn Văn Linh –LC-HP Mã số thuế : 0200584874 Số ID khách hàng: 21511048</p>	<p>Số tài khoản : 109.21511048.01.6 Loại tiền : VND Loại tài khoản : TIEN GUI THANH TOAN Số bút toán hạch toán: TT1101200235</p>							
<p>Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:</p>								
<table border="1"><thead><tr><th>Nội dung</th><th>Số tiền</th></tr></thead><tbody><tr><td>Nop tien mat</td><td>12,000,000.00</td></tr><tr><td>Tổng số tiền</td><td>12,000,000.00</td></tr></tbody></table>			Nội dung	Số tiền	Nop tien mat	12,000,000.00	Tổng số tiền	12,000,000.00
Nội dung	Số tiền							
Nop tien mat	12,000,000.00							
Tổng số tiền	12,000,000.00							
<p>Số tiền bằng chữ : Mười hai triệu VND chẵn Trích yếu : DANG VAN TU NOP TIEN VAO TAI KHOAN AN THANG COMPANY LIMITEDCO SO TIEN NOP 12000000</p>								
<p>Lập phiếu</p>	<p>Kiểm soát</p>	<p>Kế toán trưởng</p>						

Giấy báo có ngân hàng TECHCOMBANK ngày 12 tháng 12 năm 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM HPG- TCB HẢI PHÒNG		TECHCOMBANK		Số: 001/2011 Trang 1/1	
SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG (Ngày 12 tháng 12 năm 2011)					
Số tài khoản : 109.21511048.01.6		Loại tài khoản : TIỀN GỬI THANH TOÁN		Loại tiền : VND	
Khách hàng : CÔNG TY TNHH TM VÀ VT QUỐC TẾ AN THẮNG		Số ID khách hàng: 21511048			
Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có	
Số dư đầu ngày				2,483,201.00	
12/12/2011	DANG VAN TU NOP TIEN VAO TAI KHOAN AN THANG COMPANY LIMITED ,CO SO TIEN NOP 12000000	TT1101200235		12,000,000.00	
12/12/2011	Cty TNHH TM &VT QT An Thắng TT CONG NO	FT1101200250	12,632,500.00		
Số dư cuối ngày				1,850,701.00	
Doanh số ngày			12,632,500.00	12,000,000.00	
Doanh số tháng			12,632,500.00	12,000,000.00	
Doanh số năm			12,632,500.00	12,000,000.00	
KẾ TOÁN			KIỂM SOÁT		

Sổ phụ tài khoản ngân hàng TECHCOMBANK ngày 12 tháng 12 năm 2011

Nghiệp vụ 9: Ngày 12 tháng 12 năm 2011 .Kế toán viết uỷ nhiệm chi chuyển khoản thanh toán công nợ số tiền là 12.605.000 đồng.Công ty nhận được giấy báo nợ ghi: Phí chuyển tiền ngoại tỉnh là 25.000 đồng, thuế VAT 10% là 2.500 đồng .Đồng thời nhận được sổ phụ khách hàng.



ỦY NHIỆM CHI/ Số/ No.
 PAYMENT ORDER
 Ngày/ Date 12/12/2011

TECHCOMBANK

Tên tài khoản/ Acct's Name Cty TNHH TM và VT QT An Thắng
 Số tài khoản/ Acct No. 109.21511048.01.6 Tại Ngân hàng Techcombank_chi nhánh/

Đơn vị thụ hưởng/ Beneficiary Cty CP Trường Giang

Số tài khoản/ Acct No. 009704060003707

CMND/ Hộ chiếu/ ID Card/PP No. Ngày cấp/ Date Nơi cấp/ Place

Tại Ngân hàng/ Beneficiary's Bank TMCP Quốc tế Tỉnh, TP/ Province, City: Hải Phòng

Số tiền bằng chữ /Amount in words: Mười hai triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng . **Bằng số: 12.605.000 đ**

In figures

Nội dung/ Details: Chuyển trả nợ cho Cty CP Trường Giang

Kế toán trưởng Chief Accountant	Chủ tài khoản Account holder	Ghi số ngày/ Post Date	Ghi số ngày/ Post Date
		Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor
		Giao dịch viên Teller	Trưởng đơn vị Manager



Ủy nhiệm chi ngân hàng TECHCOMBANK ngày 12 tháng 12 năm 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM HPG- TCB HAI PHONG MST: 0100230800-004	TECHCOMBANK 	Theo công văn số 21208/CT/AC Cục thuế Hà Nội												
PHIẾU BÁO NỢ (Kiểm hóa đơn thu phí dịch vụ)		Trang 1/1												
		Ngày 12 tháng 12 năm 2011												
Kính gửi CÔNG TY TNHH TM VÀ VT QUỐC TẾ AN THẮNG Địa chỉ : Km89-Nguyễn Văn Linh –LC-HP Mã số thuế : 0200584874 Số ID khách hàng: 21511048	Số tài khoản : 109.21511048.01.6 Loại tiền : VND Loại tài khoản : TIEN GUI THANH TOAN Số bút toán hạch toán: FT1101200250													
Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:														
<table border="1"><thead><tr><th>Nội dung</th><th>Số tiền</th></tr></thead><tbody><tr><td>Chuyen khoan</td><td>12,605,000.00</td></tr><tr><td>P.chuyen tien ngoai tinh (khac ht)</td><td>25,000.00</td></tr><tr><td>Thue VAT</td><td>2,500.00</td></tr><tr><td>Tổng phí + VAT</td><td>27,500.00</td></tr><tr><td>Tổng số tiền</td><td>12,632,500.00</td></tr></tbody></table>			Nội dung	Số tiền	Chuyen khoan	12,605,000.00	P.chuyen tien ngoai tinh (khac ht)	25,000.00	Thue VAT	2,500.00	Tổng phí + VAT	27,500.00	Tổng số tiền	12,632,500.00
Nội dung	Số tiền													
Chuyen khoan	12,605,000.00													
P.chuyen tien ngoai tinh (khac ht)	25,000.00													
Thue VAT	2,500.00													
Tổng phí + VAT	27,500.00													
Tổng số tiền	12,632,500.00													
Số tiền bằng chữ : Mười hai triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn năm trăm VND chẵn Trích yếu : Cty TNHH TM &VT QT An Thắng TT CONG NO														
Lập phiếu	Kiểm soát	Kế toán trưởng												

Phiếu báo nợ ngân hàng TECHCOMBANK ngày 12 tháng 12 năm 2011

Sổ phụ khách hàng ngày 12 tháng 12 năm 2011

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM HPG- TCB HAI PHONG		TECHCOMBANK 		Số: 001/2011 Trang 1/1
SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG (Ngày 12 tháng 12 năm 2011)				
Số tài khoản: 109.21511048.01.6 Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN Khách hàng: CÔNG TY TNHH TM VÀ VT QUỐC TẾ AN THẮNG		Loại tiền: VND Số ID khách hàng: 21511048		
Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				2,483,201.00
12/01/2011	DANG VAN TU NOP TIEN VAO TAI KHOAN AN THANG COMPANY LIMITED ,CO SO TIEN NOP 12000000	TT1101200235		12,000,000.00
12/01/2011	Cty TNHH TM &VT QT An Thắng TT CONG NO	FT1101200250	12,632,500.00	
Số dư cuối ngày				1,850,701.00
Doanh số ngày			12,632,500.00	12,000,000.00
Doanh số tháng			12,632,500.00	12,000,000.00
Doanh số năm			12,632,500.00	12,000,000.00
KẾ TOÁN			KIỂM SOÁT	
				

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Km 89 –Nguyễn Văn Linh –Lê Chân- Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT đồng	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
			Số phát sinh					
1/12/2011	PBN-10	1/12/2011	TTCN cho Thái Việt	x		331	6,562,000	
				x		112		6,562,000
1/12/2011	PBN-10	1/12/2011	Phí trả tiền Thái Việt	x		6428	20,000	
				x		13311	2,000	
				x		112		22,000
12/12/2011	PBC-09	12/12/2011	Nộp tiền vào TK	x		112	12,000,000	
				x		111		12,000,000
12/12/2011	PBN-22	12/12/2011	Cty TTCN	x		331	12,605,000	
				x		112		12,605,000
12/12/2011	PBN-22	12/12/2011	Phí chuyển tiền	x		6428	25,000	
				x		13311	2,500	
				x		112		27,500
							
13/12/2011	PBC-15	13/12/2011	KH TT vật tư máy in	x		112	3,228,500	
				x		131		3,228,500
13/12/2011	PBC-19	13/12/2011	Cty IHI trả tiền	x		112	3,820,000	
				x		131		3,820,000
20/12/2011	PBN-25	20/12/2011	TTCN HĐ 3484	x		331		59,252,000
	PBN-25		Phí chuyển tiền	x		6428		69,626
	PBN-25		Phí chuyển tiền	x		1331		6,963
30/12/2011	PBC-42	30/12/2011	Lãi	x		711	12,391	
			...					
			Cộng số phát sinh				1,279,003,665	1,279,003,665

Biểu 2.1.14 Trích sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Km 89 –Nguyễn Văn Linh –Lê Chân- Hải Phòng

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TechcomBank

Số hiệu tài khoản tại nơi mở: 109.21511048.01.6

Trích tháng 12 năm 2011

NTGS	Chứng từ	NT	Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền			Ghi chú
	SH				Gửi vào	Rút ra	Còn lại	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
			Số dư đầu kỳ				7,820,237	
			Số phát sinh					
							
12/12/2011	PBC-09	12/12/2011	Nộp tiền vào TK	111	12,000,000		14,483,201	
	PBN-22		TTCN	331		12,605,000	1,878,201	
	PBN-22		Phí chuyển tiền ngoại tỉnh	6428		25,000	1,853,201	
	PBN-22		VAT 10%	1331		2,500	1,850,701	
			Số dư cuối kỳ				3,544,220	

Biểu 2.1.15 : Sổ Tiền gửi Ngân Hàng Techcombank

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Km 89 –Nguyễn Văn Linh –Lê Chân- Hải Phòng

SỐ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng MaritimeBank

Số hiệu tài khoản tại nơi mở: 021.01.01.000215.5

Trích tháng 12 năm 2011

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền			Ghi chú
	SH	NT			Gửi vào	Rút ra	Còn lại	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
			Số dư đầu kỳ				<u>9,059,410</u>	
			Số phát sinh					
							
8/12/2011	PBN-14	8/12/2011	Chuyển tiền trả Minh Chính	331		19,650,000	28,044,331	
	PBN-14		Phí chuyển tiền	6428		20,000	28,024,331	
	PBN-14		Phí chuyển tiền VAT 10%	1331		2,000	28,022,331	
13/12/2011	PBC-15	13/12/2011	KH thanh toán vật tư máy in	131	3,228,500		38,890,831	
13/12/2011	PBC-19	13/12/2011	Cty IHI trả tiền	131	3,820,000		35,070,831	
			...					
20/12/2011	PBN-25	20/12/2011	TTCN HD 3484	331		59,252,000	61,956,148	
	PBN-25		Phí chuyển tiền 3 món	6428		69,626	61,886,522	
	PBN-25		Phí chuyển tiền 3 món	1331		6,963	61,879,559	
			...					
30/12/2011	PBC-42	30/12/2011	Lãi	711	12,391		3,378,550	
			Số dư cuối kỳ				<u>3,378,550</u>	

Biểu 2.1.16 Số tiền gửi Ngân Hàng MartimeBank

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Km 89 –Nguyễn Văn Linh –Lê Chân- Hải Phòng

SỔ CÁI

Tiền gửi ngân hàng TK 112

Trích tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
B	C	D	E	G	H	1	2
		Số dư đầu kỳ				16,879,647	
		Số phát sinh					
PBN-14	8/12/2011	Chuyển tiền trả Minh Chính			331		19,650,000
PBN-14		Phí chuyển tiền			6428		20,000
PBN-14		Phí chuyển tiền VAT 10%			1331		2,000
PBC-09	12/12/2011	Nộp tiền vào TK			111	12,000,000	
PBN-22		TTCN			331		12,605,000
PBN-22		Phí chuyển tiền ngoại tỉnh			6428		25,000
PBN-22		VAT 10%			1331		2,500
PBC-15	13/12/2011	KH thanh toán vật tư máy in			131	3,228,500	
PBC-19	13/12/2011	Cty IHI trả tiền			131	3,820,000	
PBN-25	20/12/2011	TTCN HĐ 3484			331		59,252,000
PBN-25		Phí chuyển tiền			6428		69,626
PBN-25		Phí chuyển tiền			1331		6,963
PBC-42	30/12/2011	Lãi			711	12,391	
		...					
		Cộng số phát sinh				193,882,212	203,839,089
		Số dư cuối kỳ				6,922,770	

Biểu 2.1.17 Sổ cái tài khoản tiền gửi Ngân hàng

CHƯƠNG III:
MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ
TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
VẬN TẢI QUỐC TẾ AN THẮNG

3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý, tổ chức kế toán tại công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng.

Kể từ khi thành lập đến nay công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng sau nhiều năm đi vào hoạt động kinh doanh đã trải qua không ít những khó khăn và thách thức đặc biệt trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt lại có lạm phát cao như hiện nay. Nhưng chính những khó khăn thách thức đó đã giúp cho doanh nghiệp càng nỗ lực, phát huy thế mạnh của mình để từng bước vươn lên phát triển khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Điều đó được thể hiện bằng những thành tích trong nhiều năm qua công ty đã đạt được, phải nói đến phần lớn sự đóng góp rất quan trọng của bộ máy quản lý công ty nói chung và bộ máy kế toán nói riêng. Công tác kế toán của công ty thực sự là công cụ đắc lực phục vụ cho lãnh đạo công ty trong việc kiểm tra giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, tình hình sử dụng vốn giúp cho lãnh đạo có những chủ trương, biện pháp tích cực trong công tác quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh. Công ty không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ, khai thác triệt để các vùng thị trường tiềm năng, đồng thời có các biện pháp thỏa đáng đối với các khách hàng quen thuộc nhằm tạo ra sự gắn bó hơn nữa để tạo ra nguồn cung cấp hàng hóa dồi dào và một thị trường tiêu thụ hàng hóa ổn định. Hoàn thành nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch đề ra không ngừng tăng doanh thu và thu nhập cho công ty từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên chức.

Công ty đã xây dựng riêng cho mình một bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, khoa học. Các phòng ban được sắp xếp một cách hợp lý, phù hợp với quy mô của công ty nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý kinh doanh. Phòng tài chính kế toán với chức năng thực hiện công tác kế toán tài chính của công ty đã không ngừng biến đổi cả về cơ cấu lẫn phương pháp làm việc nó từng bước hoàn thiện

nhằm cung cấp những thông tin tài chính chính xác để các cấp lãnh đạo ra quyết định đúng đắn về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Có đội ngũ cán bộ trẻ trung năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn cao tận tình với công việc giúp cho công ty có những thành tích đáng ghi nhận. Do khối lượng công việc hạch toán lớn nên lao động kế toán được phân công theo các phần hành hành kế toán. Việc phân công lao động kế toán như vậy cũng rất phù hợp, tạo điều kiện cho kế toán viên chuyên môn hóa trong công việc, tích lũy kinh nghiệm, giải quyết các công việc thuộc phần hành của mình một cách nhanh chóng. Hơn nữa, giữa các kế toán viên luôn có quan hệ tác nghiệp trong công việc nên việc cung cấp trao đổi thông tin giữa các phần hành rất nhanh chóng, kịp thời tạo điều kiện cung cấp số liệu, các báo cáo cho ban lãnh đạo công ty khi cần thiết. Có thể nói, mô hình kế toán mà công ty đang áp dụng đã phát huy vai trò của nó, góp phần quan trọng vào việc phân công lao động một cách hợp lý, hỗ trợ đắc lực cho ban lãnh đạo công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

3.2. Nhận xét cụ thể về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng.

Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán đặc biệt là trong công tác quản lý vốn bằng tiền để tránh được những thất thoát, gian lận quỹ tiền mặt đồng thời sử dụng tốt nhất những đồng vốn hiện có. Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng trong thời gian qua đã có nhiều biện pháp nhằm hoàn thiện, đổi mới trong công tác tổ chức hạch toán kế toán tại đơn vị mình. Vì vậy, công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty đã đạt được những thành tựu góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của công ty trong thời kỳ đổi mới. Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những yếu kém cần khắc phục.

3.2.1. Những ưu điểm:

➤ Về công tác quản lý:

Công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng là một doanh nghiệp hạch toán độc lập công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Công ty có những biện pháp quản lý chặt chẽ

ở tất cả các khâu, các bộ phận một cách nhịp nhàng và có hiệu quả. Bên cạnh đó công ty luôn bổ sung thêm các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động làm việc.

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, khoa học, hoạt động có nề nếp, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho ban giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính để có thể đưa ra những quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động chuyên môn hóa theo các phần hành kế toán nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán. Mỗi nhân viên kế toán trong công ty phụ trách một phần hành kế toán riêng biệt giúp cho công tác kế toán được chuyên môn hóa, tiết kiệm thời gian, chi phí và chính xác hơn. Bên cạnh đó đòi hỏi giữa các phần hành kế toán phải có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán ghi chép. Từ đó tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu phát hiện kịp thời những sai sót. Giúp cho ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh qua đó đề ra được những biện pháp khắc phục.

➤ Về công tác kế toán vốn bằng tiền:

Công tác kế toán vốn bằng tiền là một khâu quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán quản lý và sử dụng vốn bằng tiền. Hàng ngày kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền của công ty thông qua các loại sổ sách. Định kỳ đều thực hiện kiểm kê quỹ điều chỉnh số liệu nhằm phát hiện sai sót và hạn chế những gian lận trong quá trình quản lý vốn. Bên cạnh đó kế toán luôn thường xuyên và có quan hệ tốt với Ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng. Công ty luôn mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi theo từng Ngân hàng, mỗi Ngân hàng có một sổ theo dõi riêng giúp cho việc kiểm tra và quản lý thuận lợi và dễ dàng đảm bảo tính chính xác.

➤ Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản về quy trình hạch toán, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời. Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

➤ Về chứng từ kế toán sử dụng:

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính). Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định. Chứng từ được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

➤ Về sổ sách và tài khoản kế toán sử dụng:

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra những sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

Công ty đã xây dựng hệ thống tài khoản khá chi tiết, cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng hạch toán của công ty, tạo điều kiện vừa theo dõi tổng hợp,

vừa theo dõi chi tiết các đối tượng hạch toán một cách chính xác. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà Nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền.

➤ Về hệ thống báo cáo kế toán:

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ doanh nghiệp lớn (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

➤ Về phương thức thanh toán:

Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán: Tiền mặt và chuyển khoản. Trong đó, phương thức thanh toán chuyển khoản được sử dụng nhiều hơn cả.

➤ Về việc lập và thời gian lập báo cáo tài chính:

Công ty thực hiện theo đúng chế độ quy định (thường 6 tháng một lần). Các báo cáo tài chính được nộp cho cơ quan thuế, ngân hàng theo đúng thời gian quy định. Công ty còn lập các báo cáo quản trị theo yêu cầu quản lý giúp cho ban giám đốc công ty có thể đưa ra những quyết định kịp thời, chính xác.

3.2.2. Những hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên thì công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty có những mặt hạn chế làm ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Vì vậy cần phân tích những mặt hạn chế đó để đưa ra biện pháp khắc phục giúp cho việc kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn giúp cho ban lãnh đạo công ty quản lý và sử dụng vốn bằng tiền tiết kiệm và hiệu quả nhất. Sau đây là một số mặt hạn chế mà công ty cần khắc phục.

➤ Về tài khoản và sổ sách sử dụng:

-Công ty không sử dụng tài khoản 139 - Dự phòng phải thu khó đòi trong khi là một doanh nghiệp thương mại những khoản phải thu của khách hàng là rất lớn mà có thể xảy ra trường hợp doanh nghiệp không đòi được nợ.

-Hiện nay công ty đã có những mối quan hệ với các tổ chức nước ngoài vì vậy việc thanh toán bằng ngoại tệ là rất quan trọng. Tuy nhiên công ty chưa sử dụng tài khoản 1112 - Tiền mặt bằng ngoại tệ hay tài khoản 1122 -Tiền gửi ngân hàng bằng

ngoại tệ. Vì vậy công ty nên bổ sung sử dụng thêm tài khoản chi tiết của 111,112 và sử dụng tài khoản theo dõi nguyên tệ là TK 007.

➤ Về hình thức ghi sổ:

Hiện nay công ty đang áp dụng ghi sổ theo hình thức nhật ký chung. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng ngày càng nhiều khiến cho sổ nhật ký chung dày đặc mà chưa mở sổ nhật ký đặc biệt như nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền. Vì vậy khiến cho việc theo dõi gặp nhiều khó khăn.

➤ Về việc ứng dụng máy tính:

Công ty chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng mặc dù phòng kế toán được trang bị máy tính đầy đủ. Nhưng chỉ dừng lại trên Excel không sử dụng phần mềm kế toán. Vì vậy việc sử dụng phần mềm kế toán là rất cần thiết. Sử dụng phần mềm sẽ tiết kiệm được thời gian công sức lao động đem lại hiệu quả làm việc cao. Giảm tải được khối lượng công việc nhất là vào kỳ kế toán khối lượng công việc tương đối lớn. Do vậy sử dụng phần mềm kế toán sẽ giảm nhẹ được áp lực công việc cũng như thời gian làm việc cho kế toán.

3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Với bất kỳ doanh nghiệp nào lợi nhuận luôn là mục tiêu hàng đầu vì vậy cần đề ra những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Giúp cho doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường và khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay. Trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh thì việc nâng cao sử dụng vốn bằng tiền là một yêu cầu đặt ra đòi hỏi các nhà quản lý cần phải quan tâm. Việc nâng cao sử dụng vốn bằng tiền đòi hỏi doanh nghiệp vẫn phải chấp hành tuân thủ các chế độ kế toán hiện hành và phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm, có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ.

Khi tiến hành kiểm kê phải lập Bảng kiểm kê quỹ, trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt là các thành viên. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ

và thời điểm kiểm kê. Trước khi kiểm kê quỹ thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, chi và số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Khi kiểm kê phát hiện chênh lệch kế toán phải ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa, thiếu, báo cáo Giám đốc doanh nghiệp xem xét, giải quyết.

Việc kiểm kê quỹ định kỳ là rất cần thiết. Nó giúp các nhà quản lý nắm bắt được số tiền quỹ thực tế, số tiền chênh lệch so với sổ quỹ để có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

Số tiền mặt tại quỹ không nên để quá nhiều như hiện tại mà nên gửi tại các ngân hàng để đảm bảo an toàn và hiệu quả hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Biểu số 3.1:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị :

Theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC

Bộ phận :

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

của Bộ Tài Chính

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

Chúng tôi gồm Số:

- Ông/ Bà: đại diện kế toán

- Ông/ Bà: đại diện thủ quỹ

- Ông/ Bà: đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x	...
II	Số kiểm kê thực tế: Trong đó: - Loại	x	...
1	- Loại		
2	- Loại		
3	- Loại		
4	- ...		
5	Chênh lệch (III = I – II)		
III		x	

- Lý do: +Thừa:

+Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách
nhiệm kiểm kê

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

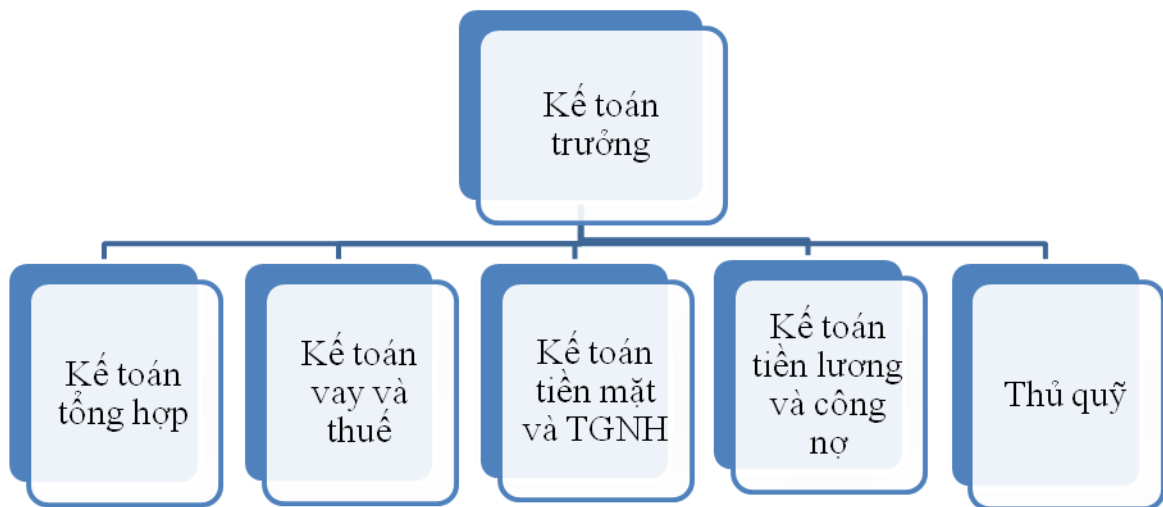
(ký, họ tên)

Kiến nghị 1:

➤ Tuyền thêm nhân viên kế toán:

Hiện nay kế toán trưởng của công ty ngoài công việc của kế toán trưởng còn phụ trách công việc quan hệ, giao dịch với các ngân hàng, làm nghiệp vụ ngân hàng, đi lại thường nhiều, thường xuyên. Do đó, công việc nhiều lúc bị dồn ứ, quá tải. Vì vậy, công ty nên tuyền thêm kế toán tổng hợp để hỗ trợ, giúp đỡ cho kế toán trưởng giúp cho công việc kế toán được nhanh chóng, hiệu quả .

Sau khi tuyền thêm kế toán tổng hợp, sơ đồ bộ máy kế toán của công ty TNHH



thương mại và vận tải quốc tế An Thắng như sau:

Sơ đồ bộ máy kế toán công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng

Chức năng của kế toán tổng hợp là tập hợp toàn bộ chi phí chung của công ty và các hoạt động dịch vụ khác của công ty. Giữ sổ cái tổng hợp cho tất cả các phần hành và ghi sổ cái tổng hợp của công ty. Kế toán thuế, kế toán Ngân hàng, quản lý các hóa đơn,

lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán.

Kiến nghị 02:

➤ Hoàn thiện việc đưa tài khoản 139 - Dự phòng phải thu khó đòi vào hạch toán: Năm 2011 công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng có phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi nhưng chưa trích lập. Công ty nên đưa vào sử dụng tài khoản 139 – Dự phòng phải thu khó đòi.

✓ **Khái niệm về dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

Theo thông tư số 13/2006/TT-BTC của Bộ tài chính thì:

“Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị có thể bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.”

✓ **Mục đích của việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo của doanh nghiệp có hai mục đích chính:

Một là, giúp doanh nghiệp có một nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch.

Hai là, đảm bảo cho doanh nghiệp xác định được giá trị của các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được (giá trị thật) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

✓ **Vai trò của việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

.Trên phương diện kinh tế:

Nhờ các tài khoản dự phòng giảm giá nói chung trong đó đặc biệt là tài khoản phản ánh dự phòng nợ phải thu khó đòi mà bảng cân đối kế toán phản ánh chính xác hơn giá trị thực tế tài sản của doanh nghiệp. Giá trị thực tế tài sản của doanh nghiệp được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} = \text{Giá trị ghi sổ} - \text{Dự phòng giảm giá} \\ \text{của tài sản} \qquad \text{của tài sản} \qquad \text{tài sản đã lập} \end{array}$$

.Trên phương diện tài chính:

Do dự phòng nợ phải thu khó đòi làm giảm lợi nhuận của niên độ kế toán nên doanh nghiệp sẽ có được một khoản tích lũy mà đáng lẽ đã được phân chia cho các cổ đông, các chủ sở hữu,...Khoản tích lũy này được sử dụng để bù đắp các khoản nợ phải thu khó đòi thực sự phát sinh và tài trợ cho các khoản chi phí hay lỗ đã được dự phòng khi các chi phí này phát sinh ở niên độ kế toán sau. Thực chất dự phòng nợ phải thu khó đòi nói riêng và các khoản dự phòng nói chung là một nguồn tài chính của doanh nghiệp, tạm thời nằm trong các tài sản lưu động trước khi được sử dụng thực sự.

.Trên phương diện thuế:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận như một khoản chi phí hợp lý trước thuế, làm giảm lợi nhuận phát sinh để tính ra số lợi nhuận thực tế. Vì vậy, việc lập dự phòng sẽ làm cho thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của đơn vị giảm xuống một lượng đáng kể. Đây là nguồn tài chính có được nhờ việc lập dự phòng, trì hoãn việc nộp thuế, không mất chi phí huy động, doanh nghiệp có thể đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh để sinh lời.

Cơ sở lý luận: Theo thông tư số 228 của Bộ Tài Chính ngày 07 tháng 12 năm 2009 về dự phòng nợ phải thu khó đòi.

*. Điều kiện: là các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá

sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

*. Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

*. Xử lý khoản dự phòng:

- Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm 2 Điều này; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

*. Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi:

a) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi bao gồm các khoản nợ sau:

- Đối với tổ chức kinh tế:

+ Khách nợ đã giải thể, phá sản: Quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản hoặc quyết định của người có thẩm quyền về giải thể đối với doanh nghiệp nợ, trường hợp tự giải thể thì có thông báo của đơn vị hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập đơn vị, tổ chức.

+ Khách nợ đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả: Xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán.

- Đối với cá nhân phải có một trong các tài liệu sau:

+ Giấy chứng tử (bản sao) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ đã chết nhưng không có tài sản thừa kế để trả nợ.

+ Giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ còn sống hoặc đã mất tích nhưng không có khả năng trả nợ.

+ Lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với người nợ đã bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án hoặc xác nhận của chính quyền địa phương về việc khách nợ hoặc người thừa kế không có khả năng chi trả.

b) Xử lý tài chính:

Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đơn vị nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác...).

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù đắp, phân chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và được phản ánh ở ngoài bảng cân đối kế toán

trong thời hạn tối thiểu là 10 năm, tối đa là 15 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác.

c) Khi xử lý khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi doanh nghiệp phải lập hồ sơ sau:

- Biên bản của Hội đồng xử lý nợ của doanh nghiệp. Trong đó ghi rõ giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi được, giá trị thiệt hại thực tế (sau khi đã trừ đi các khoản thu hồi được).

- Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải thu đã xóa để làm căn cứ hạch toán, biên bản đối chiếu nợ được chủ nợ và khách nợ xác nhận hoặc Bản thanh lý hợp đồng kinh tế hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp, tổ chức hoặc các tài liệu khách quan khác chứng minh được số nợ tồn đọng và các giấy tờ tài liệu liên quan.

- Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được, đến thời điểm xử lý nợ doanh nghiệp đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

d) Thẩm quyền xử lý nợ:

Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp có Hội đồng quản trị) hoặc Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp có Hội đồng thành viên); Tổng giám đốc, Giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên) hoặc chủ doanh nghiệp căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý, các bằng chứng liên quan đến các khoản nợ để quyết định xử lý những khoản nợ phải thu không thu hồi được và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý trách nhiệm theo chế độ hiện hành.

Đối với những khoản thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, doanh nghiệp đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì doanh nghiệp có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng hoặc xóa những

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Nếu làm thủ tục xóa nợ thì đồng thời phải theo dõi chi tiết ở TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý. Nếu sau khi đã xóa nợ, khách hàng có khả năng thanh toán và doanh nghiệp đã đòi được nợ đã xử lý thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào TK 711 - Thu nhập khác.

Kết cấu tài khoản 139:

+ Bên nợ:

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

+ Bên có:

Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập trích vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Số dư bên có:

Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

Ví dụ: theo bảng công nợ năm 2011:

TT	Tên người bán	Số dư đầu tháng		Số phát sinh		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Hoàng Dung			60,000,000		60,000,000	
2	Công ty Trường Giang		46,568,500	34,678,300			11,890,200
3	Công ty CP Phước Đạt	23,000,000		22,000,000	18,000,000	27,000,000	
						
	Cộng						

(Số liệu phòng kế toán công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng
trích năm 2011)

Trong đó khoản nợ của công ty Cổ phần Hoàng Dung phát sinh 60.000.000 từ ngày 2/5/2011. Đến thời điểm cuối kỳ kế toán năm 31/12/2011 Công ty Cổ phần Hoàng Dung chưa thanh toán số nợ trên. Như vậy đây là khoản nợ trên 6 tháng dưới 1 năm mà công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Hạch toán:

Nợ TK 642: 18.000.000 đồng

Có TK 139: 18.000.000 đồng

. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xoá nợ. Việc xoá nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139: 6.000.000 đồng

Có TK 138 : 6.000.000 đồng

Đồng thời ghi Nợ TK 004 : 6.000.000 đồng

Kiến nghị 03:

➤ Hoàn thiện việc đưa tài khoản 1112 - Tiền mặt bằng ngoại tệ và tài khoản 1122 - Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ vào hạch toán.

Là một doanh nghiệp thương mại làm ăn ngày càng phát triển có nhiều hoạt động mua bán giao dịch với các đối tác nước ngoài vì vậy nhu cầu sử dụng ngoại tệ ngày càng tăng. Doanh nghiệp nên đăng ký sử dụng thêm tài khoản 1112 và tài khoản 1122. Qua đó định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý công ty sẽ kiểm tra quỹ tiền mặt và ngoại tệ để xác định số tiền tồn quỹ thực tế, từ đó đối chiếu sổ sách được chính xác hơn và có biện pháp tăng cường quản lý quỹ tốt hơn. Do vậy việc đưa tài khoản ngoại tệ vào hạch toán giúp cho việc thanh toán được nhanh chóng và thuận tiện hơn.

.Kiến nghị 4:

Hoàn thiện về hệ thống sổ sách của Công ty:

Công ty tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền theo quyết định số 15/BTC-2006 nhưng thực tế hệ thống chứng từ sử dụng tại Công ty lại theo mẫu chưa chính xác. Vì vậy Công ty cần tổ chức lại hệ thống chứng từ, sổ sách theo đúng mẫu quy định của chế độ kế toán hiện hành, mở thêm Sổ Cái tài khoản 112 để đảm bảo sự thông suốt, thống nhất trong khâu hạch toán các nghiệp vụ phát sinh. Đồng thời tại công ty các nghiệp vụ về vốn bằng tiền phát sinh tương đối lớn vì vậy Công ty nên sử dụng thêm mẫu sổ Nhật ký đặc biệt: Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền để chi tiết hơn trong công tác theo dõi, cập nhật các nghiệp vụ về vốn bằng tiền.

Sau đây là mẫu Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền, Sổ tổng hợp tiền gửi ngân

hàng như sau:

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

TT	Tên NH	Mã NH	Số dư ĐK		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9
01	TechcomBank	112T	7,820,237		12,000,000	16,276,017	3544220	
02	MaritimeBank	112M	9,059,410		7,048,500	12,729,360	3,378,550	

Biểu 2.1.18: Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân Hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03a1 - DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Tháng ... năm...

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK111	Ghi có các TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			1121	131	TK khác	Số hiệu
					6	Số tiền	Số hiệu			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang							
			trước							
			chuyển sang							
									
			Cộng							
			chuyển trang							
			sau							

Sổ này có.. Trang, đánh số từ số 01 đến trang số....

Ngày mở sổ:...

Ngày... tháng ...năm...

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03a1 - DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐBTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIÊN

Tháng ... năm...

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK111	Ghi có các TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			141	6428	1331	...	TK khác	Số hiệu
									Số tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
									
			Cộng chuyển trang sau							

Sổ này có.. Trang, đánh số từ số 01 đến trang số....

Ngày mở sổ:....

Ngày... thángnăm...

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kiến nghị 5:

➤ Hoàn thiện về việc ứng dụng phần mềm kế toán:

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tới đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Với quy mô của công TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng như hiện nay thì nên sử dụng phần mềm kế toán ACMAN. Em xin giới thiệu phần mềm ACMAN (phiên bản Acent2012) mà công ty có thể sử dụng với nhiều tính năng dễ sử dụng và tiện lợi.

1,*. Phần mềm kế toán ACMAN(Phiên Bản Acent 2012)

Để quản lý tài chính kế toán được hiệu quả, tiết kiệm được chi phí cho doanh nghiệp, chúng ta phải xây dựng tổ chức công tác kế toán và áp dụng công nghệ phần mềm kế toán trong công việc quản lý tài chính của doanh nghiệp mình.

Tính năng căn bản ACENT 2012:

+ Công nghệ sử dụng :

- Ngôn ngữ lập trình *C# 2008*, hỗ trợ tối đa nền tảng *Net*;
- Hệ cơ sở dữ liệu: *Sql server 2005*, hỗ trợ mạnh làm việc trong *LAN*;
- Hệ thống báo cáo: *Xtrareport , Excel, Crystal report* – (Tăng tốc xử lý).
- Fonts chữ sử dụng: *Unicode*.

+**Giao diện nhập liệu ACent 2012 (hai giao diện):**

- *Giao diện nhập số dư đầu kỳ và đăng ký chi tiết;*
- *Giao diện cập nhật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh;*
- *Cho phép chọn giao diện làm việc theo phân hệ: Thu – chi, nhập – xuất...*

+ Quản trị hệ thống:

- Tạo mới, quản trị hệ thống dữ liệu kế toán;
- Phân quyền, mã hóa hệ thống mật khẩu người dung;
- Thiết lập cơ bản và thông tin đơn vị sử dụng;

+ Phần hành, nghiệp vụ kế toán căn bản:

- Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- Kế toán chi tiết các khoản tiền vay;
- Kế toán chi tiết công nợ phải thu của khách hàng;
- Kế toán chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp
- Kế toán chi tiết nguồn vốn góp từ các cổ đông;
- Kế toán chi tiết hàng tồn kho (Vật liệu, thành phẩm, hàng hóa)
- Kế toán chi tiết chi phí - tính giá thành sản phẩm;
- Kế toán chi tiết tài sản cố định – khấu hao tài sản cố định;
- Kế toán chi tiết công cụ dụng cụ - Phân bổ công cụ dụng cụ;
- Kế toán chi tiết bán hàng và xác định kết quả kinh doanh;
- Kế toán tổng hợp (Kế toán máy – Nhật ký chung)
- Báo cáo quản trị, báo cáo người dùng tự thiết lập;

+ Báo cáo tài chính (Theo chuẩn mực kế toán, QĐ 48 và QĐ 15):

- Cân đối tài khoản, Cân đối kế toán;
- Kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

+ Báo cáo thuế Giá trị Gia tăng (Tích hợp phần mềm HTKK):

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ACMAN

1. Phần mềm ACman

- Phần mềm tự in hoá đơn
- Phần mềm kế toán ACMAN
- Phần mềm quản lý nhà hàng
- Phần mềm quản lý khách sạn
- Phần mềm quản lý bán hàng

2. Dịch vụ kế toán ACman

- Kế toán thuế, Tổ chức công tác kế toán
- Tư vấn quản lý tài chính; Hoàn thuế GTGT

2. Đào tạo ACman

- Kế toán máy, Phòng kế toán ảo
- Đào tạo, cấp chứng chỉ nghề kế toán

Giải Pháp Hóa Đơn Tự In
Giải Thuế Thuế GTGT Tự In

Sau 5 phút Khởi Tạo Có Ngay Hóa Đơn Sử Dụng

PHẦN MỀM TỰ IN HOÁ ĐƠN ACMAN

ACman CÔNG TY CỔ PHẦN ACMAN
ACMAN JAVIER STOCK COMPANY

Địa chỉ: P103 - Tòa nhà P5 - Khu đô thị Việt Hà - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6.262.2455 - Fax: (84-4) 6.269.8796
E-mail: info@acman.vn - Website: www.acman.vn

Hotline: 0986 899 617

ACMAN đã được Tổng cục Thuế thẩm định!

Hotline: 0986 899 617

- Tờ khai thuế GTGT;
- Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra/mua vào.
 - + Báo cáo thuế thu nhập doanh nghiệp (Tích hợp phần mềm HTKK):
- Tờ khai tạm tính thuế TNDN (Quý);
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Năm).
 - Các tiện ích khác của chương trình:
 - Kết chuyển tự động xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ;
 - Bảo vệ dữ liệu, sao lưu dữ liệu, ghi lại các thông tin phiên làm việc.
 - Công cụ kiểm tra tính cân đối, phát hiện những lỗi nhập liệu;
 - Phần mềm kế toán đầy đủ theo chuẩn mực kế toán
 - Phần mềm kế toán làm được nhiều doanh nghiệp trên cùng chương trình phần mềm
 - Phần mềm kế toán tích hợp HTKK mới nhất của Tổng cục Thuế

- Phần mềm kế toán tích hợp tính năng tự in hóa đơn
 - Phần mềm kế toán phù hợp cho việc quản lý tài chính trong doanh nghiệp
- Với giao diện đơn giản dễ sử dụng “Acmanpro6.0 : Người chưa học kế toán máy, nhưng học kế toán cũng có thể làm được”.

2. Tính năng nổi bật:

a) Tự in hóa đơn:

- IN hóa đơn chỉ với máy tính và máy in (giấy in A4,A5.. thông thường) của bạn.
- Phần mềm hóa đơn đã được Tổng cục Thuế thẩm định
- Tạo mẫu hóa đơn, thông báo phát hành hóa đơn, quyết định sử dụng hóa đơn trong 3 phút
- Thao tác làm việc đơn giản, nhanh, tối ưu quản lý hóa đơn chuyên giao làm việc 15 phút

Hóa đơn có hệ thống mã vạch tránh làm giả

- Hệ thống mã bảo mật thực hiện in hóa đơn

b) Tích Hợp HTKK

The screenshot displays the AcmanPro6.0 accounting software interface. The main window shows a list of transactions with columns for STT, Ngày GS, Số CT, Ngày CT, Nội dung (Đã in), TK Nợ, TK Có, and Số tiền. A login dialog box is overlaid on the screen, prompting for Username, Password, and Security Key. The dialog also includes a language selection option (Vietnamese/English) and a file selection button.

STT	Ngày GS	Số CT	Ngày CT	Nội dung (Đã in)	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	03/01/2011	PT01_001	03/01/2011	Thu tiền công ty tách hóa tổng hợp hàng hóa	1111	1311	60.000.000*
2	04/01/2011	PNL01_001	04/01/2011	Nhập kho nguyên vật liệu	1521	3311	33.000.000*
3	04/01/2011	PNL01_001	04/01/2011	Nhập kho nguyên vật liệu - Thuế VAT	1331	3311	3.300.000*
4	07/01/2011	PC01_001	07/01/2011	Chi tiền tạm ứng cho Nguyễn Văn Mạnh đi công tác	141	1111	2.500.000*
5	07/01/2011	PT01_002	07/01/2011	Bãi tiền về nhập quỹ tiền mặt	1111	1121	25.000.000*
6	07/01/2011	PNL01_001	07/01/2011	Xuất nguyên vật liệu cho SX cấp nhua	621	1521	60.000.000*
53	08/01/2011	Z-911-155	08/01/2011	Chuyển kho tự động Xuat giá vốn hàng bán	632	155	30.000.000*
9	10/01/2011	PNL01_002	10/01/2011	Xuất nguyên vật liệu cho SX chế dựng nước	621	1521	86.500.000*
54	11/01/2011	0000001	11/01/2011	Đoanh thu bán hàng	1311	5111	37.000.000*
54	11/01/2011	0000001	11/01/2011	Đoanh thu bán hàng - Thuế VAT	1311	33311	3.700.000*
10	30/01/2011	PKT1_FL	30/01/2011	Tính tiền lương cho phân xưởng chế	622	3341	12.000.000*
11	30/01/2011	PKT1_FL	30/01/2011	Tính tiền lương cho phân xưởng chế	622	3141	8.000.000*
12	30/01/2011	PKT1_FL	30/01/2011	Tính tiền lương cho quản lý	6421	3341	6.000.000*
13	30/01/2011	PKT2_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm PK cấp nhua 22% B	622	3383	1.200.000*
14	30/01/2011	PKT2_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm PK cấp nhua 22% B	622	3384	240.000*
15	30/01/2011	PKT2_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm PK cấp nhua 22% B	622	3384	60.000*
16	30/01/2011	PKT2_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm PK cấp nhua 22% B	622	3384	160.000*
17	30/01/2011	PKT3_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm PK chế dựng nước	622	3383	1.920.000*
18	30/01/2011	PKT3_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm PK chế dựng nước	622	3384	360.000*
19	30/01/2011	PKT3_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm PK chế dựng nước	622	3389	120.000*
20	30/01/2011	PKT3_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm PK chế dựng nước	622	3382	240.000*
21	30/01/2011	PKT4_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm>H QL 22% BHHH B	622	3383	960.000*
22	30/01/2011	PKT4_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm>H QL 22% BHHH B	622	3384	180.000*
23	30/01/2011	PKT4_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm>H QL 22% BHHH B	622	3389	60.000*
24	30/01/2011	PKT4_BH	30/01/2011	Tính bảo hiểm>H QL 22% BHHH BHHY, BHTN, KPCH (2 KPCH)	622	3382	120.000*
25	30/01/2011	PKT5_BH	30/01/2011	Tính vào tiền lương HBH, BHHY, BHTN (0,5 %)(BHHH 6%)	3341	3383	1.560.000*
26	30/01/2011	PKT5_BH	30/01/2011	Tính vào tiền lương HBH, BHHY, BHTN (0,5 %)(BHHY 1,5%)	3341	3384	390.000*
27	30/01/2011	PKT5_BH	30/01/2011	Tính vào tiền lương HBH, BHHY, BHTN (0,5 %)(BHTN 1%)	3341	3389	260.000*
28	30/01/2011	PKT8_FE	30/01/2011	Phân bổ lư nhuận vào quỹ phúc lợi	4211	3632	10.000.000*
29	30/01/2011	PKT8_FE	30/01/2011	Phân bổ lư nhuận, chia lư cổ đông	4211	3389	40.000.000*
30	30/01/2011	PNTP_001	30/01/2011	Tính giá thành sản phẩm (sản nhua)	155	154	71.250.000*
31	30/01/2011	PNTP_002	30/01/2011	Tính giá thành sản phẩm (chai)	155	154	102.400.500*

Ưu điểm:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp
- Dễ tìm hiểu và sử dụng
- Chi phí thấp hiệu quả cao

ACman Mẫu (Form): 01GTKT/002

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
INVOICE (VAT)

Liên 2: Giao người mua
Ngày (Date) ... Tháng ... Năm ...

Ký hiệu (Series No): AC/11T
Số (No): 0000000
Mã số kiểm tra: Hóa đơn mẫu

Đơn vị bán hàng (Sale Company): CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ACMAN
Mã số thuế (TAX code): 0104908371
Địa chỉ (Address): Số 12 lô 13b Trung Yên 11 - Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại (Tel / Fax): 04 62822459
Số tài khoản (Account No): 048704060008930 **Tại Ngân Hàng (Bank's name):** Ngân hàng VIB Bank

Họ tên người mua hàng (Customer's name):
Tên đơn vị (Company):
Mã số thuế (TAX code):
Địa chỉ (Address):
Số tài khoản (Account No):
Hình thức TT (Payment of term):

Tại Ngân hàng (Bank's name):
Đơn vị tiền tệ (Unit currency): VND

STT Item	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐV tính (Units)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2

Cộng tiền hàng (Value of goods):
Tiền thuế GTGT (VAT):
Tổng cộng tiền thanh toán (Total):

Số tiền viết bằng chữ (in words):
Người mua hàng (Customer)
 (Ký, ghi rõ họ tên - Sign, Fullname)

Người bán hàng (Seller)
 (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên - Sign, Stamp, Fullname)

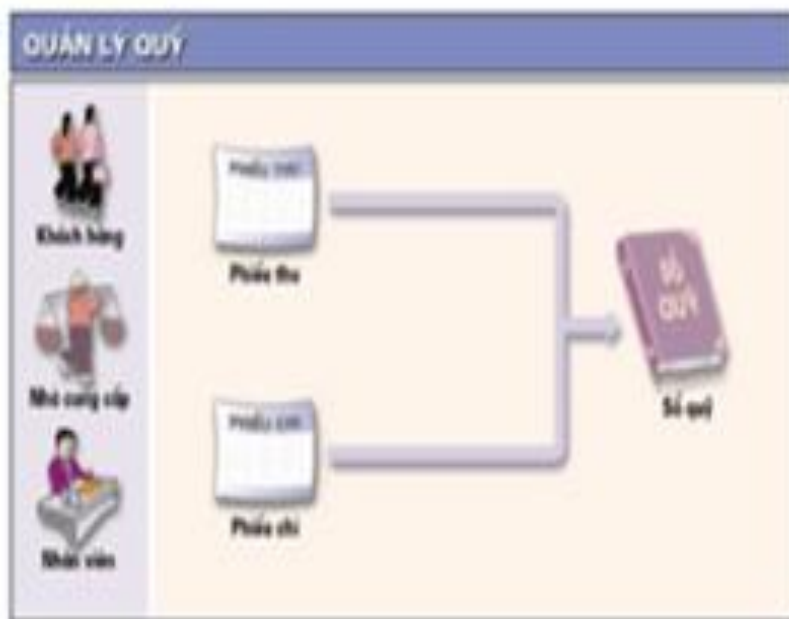
- Phần mềm thông minh khi sử dụng nâng cao trình độ về kế toán và quản lý tài chính minh bạch
- Dịch vụ chuyên nghiệp và đảm bảo uy tín



2, * Phần mềm kế toán MISA

Với quy mô của công ty như hiện nay thì nên sử dụng phần mềm kế toán MISA. Em xin giới thiệu phần mềm MISA SME.NET 2010 mà công ty có thể sử dụng với nhiều tính năng dễ sử dụng và tiện lợi. Phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA SME.NET 2010 được phát triển trên nền tảng .NET của Microsoft giúp tiết kiệm chi phí đầu tư và dễ dàng sử dụng. MISA SME.NET 2010 gồm 13 phân hệ là nghiệp vụ ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm theo mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến, quản lý cổ đông, tự động cập nhật qua internet..., chương trình này không chỉ dành cho kế toán viên mà còn là công cụ giúp giám đốc doanh nghiệp luôn nắm rõ đầy đủ tình hình tài chính doanh nghiệp để ra quyết định đầu tư điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.

Sau đây là giao diện làm việc của MISA SAM.NET 2010



Đặc biệt, MISA SME.NET 2010 cho phép doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế toán duy nhất thông qua Internet hoặc mạng dùng riêng với độ an toàn và bảo mật cao. Tính năng này đưa MISA SME.NET 2010 trở thành phần mềm kế toán Việt Nam đầu tiên cho phép làm việc online. MISA SME.NET 2010 được phát hành gồm 2 lựa chọn, bản Standard với 7 phân hệ có giá 3.950.000 đồng và bản Professional đầy đủ 13 phân hệ có giá 6.950.000 đồng (miễn phí 1 năm sử dụng cho doanh nghiệp mới thành lập). Vì vậy công ty có thể áp dụng phần mềm kế toán như em vừa giới thiệu là rất phù hợp.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế - tài chính ở các doanh nghiệp cũng được phải thay đổi và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình mới để giúp cho doanh nghiệp quản lý được tốt hơn mọi mặt hoạt động kinh doanh của mình trong đó có công tác kế toán vốn bằng tiền có một vị trí đặc biệt quan trọng nhất là đối với doanh nghiệp thương mại. Vì vậy việc hoàn thiện quá trình hạch toán kế toán vốn bằng tiền là rất cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức và sự hiểu biết đã được học tại trường, được sự giúp đỡ, hướng dẫn của Ban lãnh đạo trường Đại học Dân lập Hải Phòng, được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ths. Trần Thị Thanh Thảo - Giảng viên hướng dẫn, cùng với các cán bộ kế toán, nhân viên công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như xin gửi lời cảm ơn đến cô Trần Thị Thanh Thảo đã tận tình chỉ bảo và cảm ơn tới các cán bộ kế toán của công ty TNHH thương mại và vận tải quốc tế An Thắng đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng ngày tháng năm 2011

Sinh viên
Vũ Thị Khánh Chi

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính - Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
- 2/ Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- 3/ Kế toán tài chính - TS Phan Đức Dũng (năm 2008) - Nhà xuất bản thống kê
- 4/ Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2011 của Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Quốc tế An Thắng
- 5/ Khóa luận của các khóa 10, 11 tại thư viện trường Đại học dân lập Hải Phòng.
- 6/ Website: Webketoan.com
- 7/ Website: Tapchiketoan.com